

NỘI SAN CHUYÊN NGÀNH CÀ PHÊ

THÁNG 8 NĂM 2016

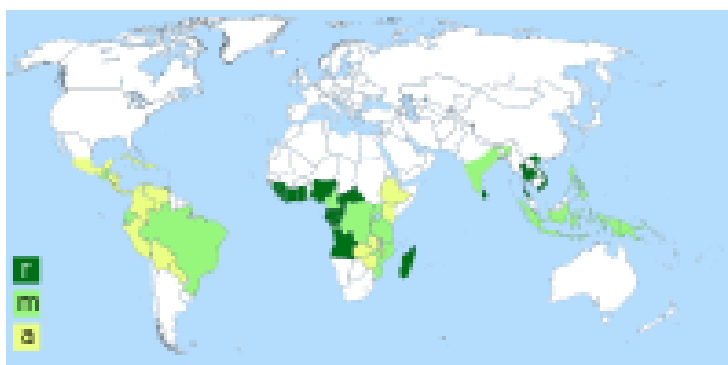
MỤC LỤC

PHẦN 1: GIÁ CÀ PHÊ HIỆN NAY.....	3
Chương 1: Tổng quan.....	3
1.1 Cà phê nhân xô - Việt Nam	4
1.2 Cà phê Robusta – ICE Futures Europe.....	5
1.3 Cà phê Arabica – ICE Futures US	7
Chương II: Phân tích và dự báo giá cà phê	10
2.1 Vai trò của công tác phân tích và dự báo.....	10
2.2 Sự hình thành giá cả và các trường phái phân tích giá cả	12
2.3 Sơ lược về phân tích dự báo giá cả	14
2.4 Chiến lược kinh doanh hiệu quả	15
2.5 Vài khuyến nghị	16
Chương III: Các vấn đề toàn cầu đang chi phối giá cà phê.....	17
3.1 Biến đổi khí hậu.....	17
3.2 Kinh tế Mỹ và chính sách tiền tệ của Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed)	20
3.3 Chính sách tiền tệ của NHTW Brazil và tỷ giá USDBRL	21
3.4 Thị trường hối đoái và giá cà phê	22
3.5 Brexit	24
3.6 Mối tương quan giữa giá dầu thô và giá cà phê	25
3.7 Báo cáo cam kết thương nhân.....	27
3.8 Báo cáo cung cầu cà phê toàn cầu.....	30
Chương IV: Dự báo giá cà phê theo phân tích kỹ thuật	46
PHẦN 2: CÁC THỊ TRƯỜNG Cà PHÊ ĐÁNG QUAN TÂM.....	48
Chương I. Các xu hướng mới của thị trường cà phê Châu Âu.....	48
1.1 Giới thiệu.....	48
1.2 Làn sóng thứ 3: trải nghiệm uống cà phê	48
1.3 Nhu cầu cà phê có đạo đức.....	50
1.4 Đòi hỏi xuất phát từ nhu cầu cà phê chất lượng cao	51
1.5 Giá cà phê: Những ảnh hưởng của thị trường toàn cầu	51
1.6 Quan hệ thương mại giữa EU và các nước đang phát triển đang thay đổi	52
Chương II. Thị trường Lào.....	53
2.1 Diện tích trồng cà phê tại Lào	53
2.2 Sản lượng và xuất khẩu cà phê Lào	54
2.3 Chiến lược phát triển ngành cà phê tại Lào (tầm nhìn đến năm 2050)	55
2.4 Cơ quan đại diện ngành cà phê Lào.....	56
Chương III. Thị trường Nga.....	57
3.1 Tiêu thụ cà phê tại Nga	57
3.2 Cơ cấu thị trường.....	58
3.3 Thương mại quốc tế.....	60
3.4 Triển vọng.....	62
PHẦN 3: VINA NHA TRANG KHÁT KHAO PHÁT TRIỂN CÙNG ĐỈNH CAO CÔNG NGHỆ	64

PHẦN 1:

GIÁ CÀ PHÊ HIỆN NAY

Chương 1: Tổng quan



Bản đồ sản xuất cà phê toàn cầu

Cà phê là một trong những loại hàng hoá biến động giá lớn nhất trong năm 2016 và trong tương lai, giá cà phê sẽ còn diễn biến mạnh, thu hút sự quan tâm của cộng đồng tài chính thế giới.

Trong 8 tháng đầu năm 2016, giá cà phê chịu sự chi phối lớn bởi sức mạnh đồng Mỹ kim (USD) và đồng nội tệ của Brazil (BRL), tác động của biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của Brexit (Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu qua trung cầu dân ý).

Trong những tháng cuối năm 2016, thông điệp của Fed về chính sách tiền tệ, kinh tế Mỹ và toàn cầu, diễn biến cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ và các dự báo sản lượng cà phê tại các nước xuất khẩu chủ yếu và diễn tiến hiện tượng La Nina sẽ

Dự báo giá cà phê hiệu quả cần có nhiều kiến thức đa ngành, đa chiều, tổng hợp và lồng ghép, bao gồm: nông nghiệp, khí tượng thủy văn, địa chất, giao thông vận tải, kinh tế - địa chính trị, tài chính, marketing, tâm lý hành vi, văn hoá ẩm thực... và đặc biệt là am hiểu phân tích kỹ thuật.

Kinh doanh cà phê hiệu quả cần có dự báo giá cà phê chính xác và kế hoạch giao dịch phù hợp theo từng giai đoạn và nguồn vốn

Trần Khải Nam Trung – 123 Group

tác động mạnh tới giá cà phê.

Theo phân tích của 123 Group, giá cà phê có thể giảm trở lại trong cuối quý III của năm 2016 rồi sẽ tăng nhiều trong niên vụ 2016/2017. Sản lượng cà phê toàn cầu không có nhiều biến động nhưng sản lượng cà phê Robusta giảm nhiều trong khi sản lượng cà phê Arabica lại tăng nên dự báo chênh lệch giá giữa cà phê Arabica và Robusta có thể gia tăng.

1.1 Cà phê nhân xô - Việt Nam

Sau khi giảm mạnh về quanh 30 triệu/tấn hồi cuối tháng 2/2016, giá cà phê nhân xô đã tăng mạnh mẽ và tiến sát mức 40 triệu/tấn vào giữa tháng 7/2016. Từ nửa sau tháng 7, giá cà phê nhân xô giảm dần và còn quanh mức 38,5 triệu/tấn vào ngày 22/8/2016.

Hiện tại, giá cà phê nhân xuất khẩu đang ở mức trừ lùi 20 đến 30 USD so với giá niêm yết tại sàn giao dịch ICE Futures Europe (London).

Theo báo cáo của Bộ NN&PTNT, xuất khẩu cà phê trong 7 tháng đầu năm 2016 của Việt Nam đạt hơn 1 triệu tấn với giá trị 2 tỉ USD, tăng 38% về khối lượng và tăng 18% về giá trị so với cùng kỳ. Đức và Mỹ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 15,5% và 13%. Tuy nhiên, các dự báo nước ngoài cho biết nguồn cung cà phê từ Việt Nam (và Indonesia) có thể khan hiếm trong thời gian tới.

Hạn hán khốc liệt tại Tây Nguyên trong những tháng đầu năm nay đã khiến sản lượng cà phê Robusta suy giảm khoảng hơn 7%, theo dự báo của USDA và Cục trồng trọt - Bộ NN&PTNT.

Hiện tượng El Nino đã chấm dứt từ đầu tháng 5/2016 và dự báo hiện tượng La Nina sẽ gây mưa nhiều tại các vùng trồng cà phê chủ yếu tại Việt Nam.

Một xu hướng đáng chú ý là sản xuất cà phê rang xay và hoà tan đang gia tăng tại Việt Nam nên sẽ thu hẹp một phần sản lượng cà phê nhân xuất khẩu.



Cà phê sữa đá, đặc trưng của cà phê Việt Nam

1.2 Cà phê Robusta – ICE Futures Europe

- Sàn giao dịch cà phê kỳ hạn tại ICE Futures Europe (London) là nơi giao dịch cà phê Robusta.
- Các thông số hợp đồng giao dịch Robusta tại sàn giao dịch ICE Futures Europe (London)

Ký hiệu	RM
Tên hợp đồng	Robusta Coffee 10-Tonnes (RC)
Sàn giao dịch	LCE
Các kỳ hạn	Tháng 1,3,5,7,9,11 (F, H, K, N, U, X)
Kích cỡ hợp đồng	10 tấn
Bước giá	1 USD/tấn (10 USD mỗi hợp đồng)
Giá giới hạn trong ngày	Không giới hạn
Giờ giao dịch	9:00a.m. - 5:30p.m. GMT
Ngày giao dịch cuối kỳ hạn	Ngày làm việc cuối của tháng giao hàng
Giá của một đơn vị hợp đồng kỳ hạn	10 USD
Giá của một đơn vị hợp đồng quyền chọn	10 USD

Do ảnh hưởng từ hạn hán tại Tây Nguyên, Việt Nam và bang Espirito Santo Brazil (vùng trồng cà phê Robusta chủ yếu của Brazil) cũng như sự gia tăng nhu cầu tiêu thụ nội địa của Việt Nam, Indonesia, giá cà phê Robusta đã tăng mạnh mẽ hơn 500 USD cho mỗi tấn từ đầu tháng 3/2016 đến giữa tháng 7/2016.

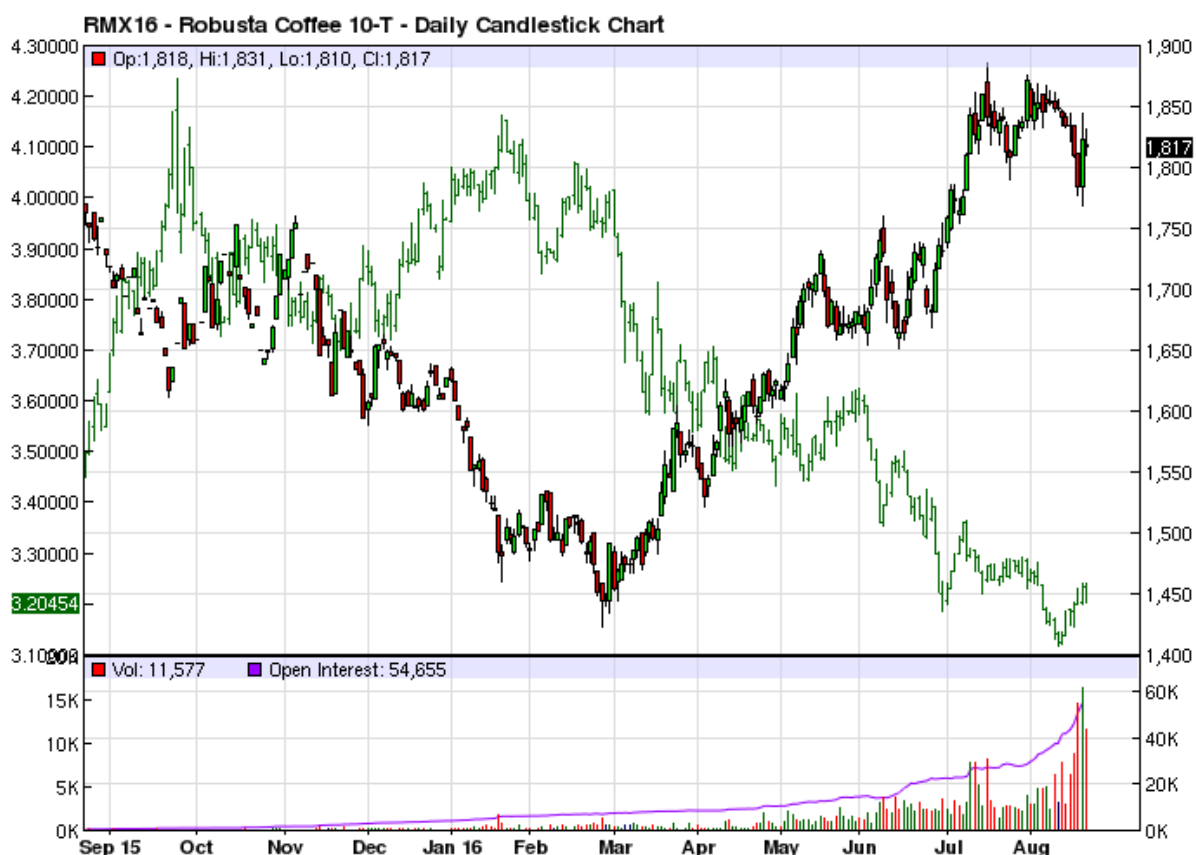
Từ 15/7 đến nay, giá cà phê Robusta điều chỉnh giảm nhưng dao động mạnh. Thông tin không khí lạnh có khả năng gây sương giá vào trung tuần tháng 8 đã giúp giá cà phê tăng vọt trở lại nhưng xu hướng chung trong ngắn hạn vẫn là giảm giá điều chỉnh.

Vào ngày 22/8/2016, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 11/2016 đóng cửa ở mức 1831 USD/tấn, thấp hơn 2,92% so với đỉnh cao của 12 tháng qua (tại 1886 USD/tấn, thiết lập ngày 15/07/2016) nhưng đang cao hơn 28,67% so với mức thấp nhất 12 tháng (tại 1423 USD/tấn, thiết lập ngày 25/02/2016).

Các yếu tố ảnh hưởng tới giá cà phê Robusta trong những tháng qua bao gồm: suy giảm nguồn cung do hạn hán, biến động của thị trường tiền tệ - tài chính thế giới, tác động của Brexit, sự kháng giá của thị trường Việt Nam, Indonesia và lực mua đầu cơ giá lên trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều bất ổn. Trong đó, giá cà phê Robusta bị ảnh hưởng mạnh bởi biến động đồng nội tệ của Brazil (ký hiệu: BRL) là chủ yếu. Thông thường, đồng BRL mất giá hay tỷ giá USDBRL tăng sẽ tác động tiêu cực lên giá cà phê và ngược lại.



Đồ thị giá cà phê Robusta giao tháng 9/2016 tại ICE Futures Europe



Diễn biến giá cà phê Robusta – 09/2016 so với BRL trong niên vụ 2015/16

1.3 Cà phê Arabica – ICE Futures US

- Sàn giao dịch cà phê kỳ hạn tại ICE Futures US (New York) là nơi giao dịch cà phê Arabica.
- Các thông số hợp đồng giao dịch Robusta tại sàn giao dịch ICE Futures US (New York)

Ký hiệu	KC
Tên hợp đồng	Coffee C Arabica (KC)
Sàn giao dịch	ICEUS
Các kỳ hạn	Tháng 3,5,7,9,12 (H, K, N, U, Z)
Kích cỡ hợp đồng	37.500 pounds (khoảng 250 bao, 60kg)
Bước giá	0.05 cents/pound (18,75 USD/hợp đồng)
Giá giới hạn trong ngày	Không giới hạn
Giờ giao dịch	3:15a.m. - 12:30p.m. CST
Ngày giao dịch cuối kỳ hạn	8 ngày làm việc trước ngày trước ngày làm việc cuối của tháng giao hàng
Giá của một đơn vị hợp đồng kỳ hạn	375 USD
Giá của một đơn vị hợp đồng quyền chọn	375 USD

Giá cà phê Arabica cũng biến động mạnh nhưng biên độ không lớn bằng giá cà phê Robusta do năm 2016 biến đổi khí hậu tác động tiêu cực tới sản lượng cà phê Robusta là chủ yếu. Giá cà phê Arabica giao tháng 12/2016 đang chốt tại 146.40 cent/lb khi kết thúc ngày 22/8/2016 và đã giảm 7,14% so với mức cao nhất 12 tháng qua được thiết lập ngày 15/07/2016 tại 157, 65 cent/lb nhưng vẫn đang tăng 22,61% so với mức thấp nhất của năm vào ngày 01/03/2016 tại 119,40 cent/lb.

Sương giá nhẹ tại các vùng trồng cà phê Arabica tại Brazil trong 2 tháng qua có đôi chút tác động ngắn hạn nhưng biến động của giá cà phê Arabica trong năm 2016 chủ yếu bị chi phối bởi các chuyển động toàn cầu như Robusta, chủ yếu là sự tăng giảm mạnh của đồng BRL.

Đồng BRL giảm mạnh hồi đầu năm đã đẩy giá cà phê Arabica giảm về sát 110 cent/lb rồi sau đó, đồng BRL tăng giá mạnh khi tỷ giá USDBRL giảm về sát 3.1 đã khiến giá cà phê leo thang.

Nỗ lực chống tham nhũng mà đỉnh điểm là cuộc luận tội nữ Tổng thống Dilma Rousseff và khôi phục kinh tế của Chính phủ tạm quyền do Michel Temer điều hành, chính sách tiền tệ của Thống đốc mới Ngân hàng Trung ương Brazil và hiệu ứng tích của Olympic Rio 2016 đang hỗ trợ đồng BRL tăng giá. Thông thường, đồng BRL tăng giá sẽ khiến giá cà phê nội địa tại Brazil suy yếu, hạn chế hoạt động xuất khẩu cà phê từ quốc gia xuất khẩu số 1 thế giới, nên khiến giá cà phê kỳ hạn tại ICE US tăng cao.



Đồ thị giá cà phê Arabica giao tháng 9/2016 tại ICE Futures US



Diễn biến giá cà phê Arabica – 12/2016 so với BRL trong niên vụ 2015/16

Trong những ngày gần đây, không khí lạnh có khả năng gây sương giá đang khiến giá cà phê tăng mạnh. Diễn biến thời tiết tại các vùng trồng cà phê Brazil đang là yếu tố lèo lái thị trường trong ngắn hạn.

Ghi chú:

Sương giá và lịch sử sương giá tại Brazil

Sương giá thường xảy ra ở miền nam Brazil, nơi chủ yếu trồng cà phê, vào khoảng tháng 6 đến tháng 8. Có hai loại sương giá là băng giá và sương mù đen, nếu xảy ra sẽ gây tổn thương cây cà phê hoặc giết chết cây, làm giảm sản lượng. Vùng đất trồng có nguy cơ bị sương giá nhiều hơn.

Khi xảy ra sương giá hoặc có tin đồn về các đợt không khí lạnh có khả năng gây sương giá, giá cà phê thường tăng cao đột biến. Nếu chỉ là tin đồn và qua kiểm nghiệm không có thì giá cà phê sẽ sụt giảm mạnh ngay sau đó.

Lịch sử sương giá tại Brazil

- Năm 1902 (cuối tháng 7/đầu tháng 8) - có sức tàn phá
- Năm 1918 (các ngày 24-26/6) - mức độ nghiêm trọng
- Năm 1942 (cuối tháng 6/đầu tháng 7) - mức độ nghiêm trọng
- Năm 1943 - mức độ tương đối
- Năm 1953 (các ngày 4-5/7) - mức độ nghiêm trọng
- Năm 1955 (ngày 30/7 - ngày 01/8) - mức độ nghiêm trọng
- Năm 1957 - nghiêm trọng
- Năm 1962 (các ngày 25-26/7) - mức độ nhỏ
- Năm 1963 (các ngày 5-6/8) - mức độ tương đối
- Năm 1965 - mức độ nhỏ
- Năm 1966 (ngày 6/8) - mức độ nghiêm trọng
- Năm 1967 (ngày 8/6) - mức độ nhỏ
- Năm 1969 (các ngày 9-10/7) - mức độ tương đối
- Năm 1972 (các ngày 8-9/7) - mức độ tương đối
- Năm 1975 (các ngày 17-19/7) - mức độ rất nghiêm trọng
- Năm 1978 (các ngày 13-16/8) - mức độ tương đối
- Năm 1979 (ngày 01/6) - mức độ tương đối
- Năm 1981 (các ngày 20-22/7) - mức độ nghiêm trọng
- Năm 1984 (ngày 25/8) - mức độ nhỏ
- Năm 1985 (tháng 8 - tháng 11) - mức độ nhỏ
- Năm 1988 - mức độ nhỏ
- Năm 1994 (các ngày 25-26/6 và 9-10/7) - Mức độ nghiêm trọng/rất nghiêm trọng
- Năm 1999 (tháng 8 - tháng 11) - mức độ nghiêm trọng (40% mùa vụ bị thiệt hại)
- Năm 2000 (ngày 17/7) - mức độ khiếm tốn.



Cho tới thời điểm hiện nay, 23/08/2016, chưa có thông tin chính xác về thiệt hại cho cây cà phê Arabica của Brazil trong đợt không khí lạnh này. Nhưng, thông tin không chính thống cho biết là không có thiệt hại được ghi nhận.

Brazil bắt đầu mùa Đông từ ngày 21/06 và hiện nay, mùa Đông đã sắp kết thúc. Không khí đã ấm dần lên tại các vùng trồng cà phê chủ yếu.

Chương II: Phân tích và dự báo giá cà phê

2.1 Vai trò của công tác phân tích và dự báo

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử phát triển của loài người, sự phát triển của khoa học kỹ thuật, hoạt động mua bán bắt đầu từ sự trao đổi ngang giá đến mua bán trực tiếp, từ mua bán gián tiếp qua trung gian đến mua bán qua tài khoản ngân hàng, tài khoản ký quỹ, từ mua bán theo tỷ lệ 1 – 1 đến sử dụng đòn bẩy 1/10, 1/100, 1/500,...

Ngày nay, thông qua hình thức mua bán trực tuyến, qua phần mềm giao dịch, người ta có thể mua bán bất cứ thứ gì mình muốn, đầu tư bất kỳ lĩnh vực nào mình thích.

Hoạt động đầu tư tài chính trên các thị trường vốn, chứng khoán, hàng hóa, ngoại hối,... vô cùng sôi động, thú vị nhưng cũng đầy cam bẫy, sinh lợi cao nhưng rủi ro mất mát rất nhiều.

Phân tích và dự báo giá cả là công tác phức tạp, đòi hỏi nhiều kiến thức hàn lâm và trải nghiệm thực hành, nhiều nguồn dữ liệu phong phú, kịp thời và đầy đủ.

Phân tích dự báo giá cả là một ngành khoa học hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh, bao gồm một chuỗi các hoạt động thu thập dữ liệu, thống kê và so sánh, phân tích các tình huống khác nhau, các kịch bản khác nhau để đưa ra kết luận về diễn biến của giá trong tương lai.

Phân tích dự báo giá cả là một nghệ thuật sử dụng đơn lẻ hay kết hợp các phương pháp phân tích kỹ thuật, phương pháp phân tích cơ bản và phương pháp phân tích tâm lý hành vi để dự báo diễn biến giá cả của một hàng hóa, một cổ phiếu, một đồng tiền, trái phiếu của một quốc gia hay biến động của cả thị trường, nhóm hàng hóa, nhóm cổ phiếu, nhóm tiền tệ,... trên thị trường hàng thực hay thị trường hàng giấy.

Thông thường, công tác phân tích và dự báo giá cả cần phải có một đội ngũ chuyên gia thuộc các lĩnh vực khác nhau làm việc phối hợp với nhau nhưng cũng có thể chỉ cần một vài chuyên gia làm việc độc lập. Người am hiểu các phương pháp phân tích dự báo giá cả có thể ứng dụng kiến thức của mình để tự đầu tư hay tham gia các hoạt động đầu tư của tổ chức (nhóm, công ty, quỹ, ngân hàng, các định chế tài chính,...) hoặc làm chuyên viên tư vấn,

môi giới hoặc trở thành một nhà nghiên cứu khoa học, giảng dạy hoặc làm nhà báo.

Dự báo là khoa học và nghệ thuật tiên đoán những sự việc sẽ xảy ra trong tương lai, trên cơ sở phân tích khoa học về các dữ liệu thu thập được



Hoạt động kinh doanh cà phê hiệu quả bao gồm các hoạt động phân tích giá cả có độ tin cậy cao, các kế hoạch kinh doanh chi tiết và các quyết định đầu tư chính xác với sự kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và sự bùng nổ của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, khoa học dự báo có vai trò ngày càng quan trọng trong mọi lĩnh vực, nhưng cũng đứng trước những thách thức to lớn do tình hình thế giới chuyển biến rất nhanh chóng và phức tạp dẫn đến các dòng vốn đầu tư thay đổi nhanh chóng và giá cả biến động khó lường.

Công tác dự báo được thực hiện khoa học, thường xuyên và nghiêm túc dựa trên các nguồn dữ liệu đáng tin cậy, công cụ phân tích tiên tiến, sẽ đóng vai trò tiên phong trong hoạt động kinh doanh hiệu quả.

- **Với doanh nghiệp:** Dự báo góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp, do dự báo là căn cứ khoa học không thể thiếu để xây dựng chiến lược kinh doanh, kế hoạch sản xuất kinh doanh; điều chỉnh kịp thời các quyết định kinh doanh nhằm giảm rủi ro, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh; chuẩn bị những điều kiện vật chất và kỹ thuật nhằm giành lợi thế cho sự phát triển bền vững trong tương lai.
- **Với các cơ quan quản lý nhà nước:** Dự báo góp phần hoạch định các chính sách quy hoạch, quản lý ngành hàng hiệu quả, các chính sách điều tiết giá và các chính sách phát triển kinh tế xã hội nói chung.
- **Với các nhà đầu tư cá nhân:** Dự báo góp phần mang lại lợi nhuận cao nhất, hạn chế rủi ro và mang lại sự tự tin trong kinh doanh cà phê.

**Giá là sự đồng thuận của người mua và người bán.
Hành động MUA hay BÁN của con người phụ thuộc vào kỳ vọng.**

2.2 Sự hình thành giá cả và các trường phái phân tích giá cả

Giá của một loại sản phẩm hay dịch vụ (hàng hóa, cổ phiếu, trái phiếu, quyền chọn, tín chỉ...) được hình thành từ hoạt động mua bán, trao đổi của con người.

- Giá là sự đồng thuận của người mua và người bán.
- Mức giá mà người mua hay người bán đồng ý phụ thuộc vào kỳ vọng.
- Người mua kỳ vọng giá sẽ tăng nên mua vào.
- Người bán kỳ vọng giá sẽ giảm nên bán ra.
- Kỳ vọng của mỗi người khác nhau và thật khó để cân đo, đong đếm kỳ vọng của con người.
- Mỗi người kỳ vọng một mức giá khác nhau nên trong một cái "chợ" có nhiều người sẽ xuất hiện nhiều mức giá trong cùng một thời điểm, trong nhiều thời điểm khác nhau nên giá cả biến động không ngừng.
- Giá cả phụ thuộc tâm lý và hành vi của con người.

Người mua:

- Người mua mới (trước đó chưa mua hay bán gì) vì kỳ vọng giá tăng.
- Người mua chốt lời, mua lại sau khi đã bán giá cao trước đó vì kỳ vọng giá không giảm thêm hoặc bằng lòng với mức lợi nhuận đạt được.
- Người mua dừng lỗ sau khi đã bán giá thấp trước đó vì sợ giá tăng thêm.
- Người mua thêm sau khi đã mua một phần trước đó vì nghĩ rằng giá sẽ tăng và muốn lợi nhuận nhiều hơn với kỳ vọng giá tăng thêm hoặc mua trung bình giá theo kế hoạch đã định hay do giá giảm hơn mức đã mua trước đó.

Người bán:

- Người bán mới (trước đó chưa mua) gọi là bán không vì kỳ vọng giá sẽ giảm.
- Người bán dừng lỗ vì trước đó đã mua giá cao và sợ giá xuống thêm.
- Người bán chốt lời vì đã mua giá thấp trước đó, do kỳ vọng giá hết tăng hoặc đã thỏa mãn với lợi nhuận đạt được.
- Người bán thêm, mặc dù đã bán một phần trước đó, do kỳ vọng giá giảm thêm hoặc trước đó đã bán giá quá thấp mà giá đang lên để trung bình giá

Thông thường, nhiều người mua hơn người bán thì giá tăng, nhiều người bán hơn người mua thì giá giảm. Vì mỗi người mua bán một lượng nhiều ít khác nhau nên không thể căn cứ vào số người mua bán mà phải nói chính xác hơn là lượng mua nhiều hơn lượng bán thì giá tăng và ngược lại. Khối lượng mua bán quan trọng hơn số người mua bán. Ngoài lệ, nhiều người mua ở mức giá "thấp" hơn giá muốn bán của người bán thì giá sẽ có xu hướng giảm và ngược lại.

Khối lượng mua lớn hơn khối lượng bán tăng dần theo thời gian thì hình thành một xu hướng giá tăng và ngược lại.

Thông thường, nhiều người tham gia mua bán thì hình thành các nhóm người mua, người bán, người muốn mua, người muốn bán ở những mức giá khác nhau. Từ đó hình thành các trào lưu mua bán khác nhau, thông thường theo tâm lý bầy đàn. Nhưng kỳ vọng của mỗi người khác nhau nên giá cả tăng giảm liên tục. Giá đang tăng thì sẽ khiến càng có thêm nhiều người kỳ vọng tăng và số người kỳ vọng giảm bớt đi nên giá sẽ tăng trong một khoảng thời gian cho tới khi nào đa số người mua mãn nguyện với kỳ vọng của mình. Khối lượng bán chốt lời nhiều sẽ làm giá giảm lại...

Như vậy, giá hình thành từ sự đồng thuận giữa người mua và người bán. Giá biến động do mỗi người có một kỳ vọng khác nhau nên hình thành các mức giá khác nhau. Các trào lưu mua bán khiến lượng mua bán tăng giảm theo từng thời điểm, khoảng thời gian nên hình thành các xu hướng tăng giảm của giá cả. Tại những thời điểm mà nhiều người phân vân, không chắc chắn về kỳ vọng của mình thì hình thành những giai đoạn giá ít biến động.

Ngược lại, giá biến động tới những mức khác nhau sẽ quay lại tác động vào kỳ vọng của người đã mua, đã bán hoặc người chưa mua bán khiến tâm lý, hành vi con người thay đổi từ thái cực này qua thái cực khác, dẫn đến thay đổi kỳ vọng của từng người, nhóm người.

Chính vì thế, để tiếp cận và nghiên cứu sự biến động của giá cả, từ đó dự báo giá tăng hay giảm hay ít biến động, trường phái phân tích tâm lý hành vi người tham gia thị trường ra đời. Trường phái phân tích này dựa vào các biến đổi liên tục của cảm xúc nhà đầu tư cá nhân: đau đớn hay hối tiếc, tham lam hay sợ hãi, hưng phấn hay ức chế, do dự hay dứt khoát; sự biến đổi hành vi của nhóm người hay tâm lý bầy đàn...

Trường phái phân tích tâm lý hành vi ngày càng phổ biến và hữu dụng. Nhưng để tiếp cận và nghiên cứu phân tích giá cả theo trường phái này, cần phải có sự am hiểu tâm lý học, xã hội học, triết học. Trường phái này chỉ phân tích định tính, chứ không thể đưa ra được các con số cụ thể.

Một trường phái khác không đào sâu vào phân tích tâm lý hành vi con người mà chú trọng phân tích bản chất của sản phẩm, dịch vụ, vào giá trị nội tại của sản phẩm dịch vụ hay giá trị tương đối của sản phẩm, dịch vụ này so với sản phẩm dịch vụ khác. Đó là trường phái phân tích cơ bản. Để tiếp cận và nghiên cứu phân tích giá cả theo trường phái này, cần phải có sự am hiểu các học thuyết kinh tế, kinh tế học, xác suất thống kê, khí tượng học, nông học,... đồng thời phải cập nhật liên tục dữ liệu liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

Trường phái thứ ba, đó là trường phái phân tích kỹ thuật. Trường phái này không phân tích giá trị nội tại của sản phẩm dịch vụ, không quan tâm đến tâm lý và hành vi con người mà chú trọng phân tích cấu trúc của giá cả, sự chuyển động của giá cả theo thời gian và đo lường các mức giá dự kiến trong tương lai thông qua mô hình hóa, đồ thị hóa sự biến thiên của giá cả và khối lượng giao dịch, từ đó, áp dụng các kỹ thuật phân tích phức tạp đến giản đơn để đưa ra dự báo giá cả trong tương lai.

Để tạo ra các công cụ phân tích kỹ thuật, các chỉ báo kỹ thuật, người phát minh đã áp dụng nhiều kiến thức của công nghệ thông tin, toán học và vật lý học. Để tiếp cận và nghiên cứu trường phái phân tích kỹ thuật, chỉ cần am hiểu nguyên lý cấu thành các chỉ báo, các công cụ và ý nghĩa của chúng.

Không có trường phái phân tích nào là hoàn hảo mà thật ra chúng bổ sung cho nhau, hỗ trợ nhau trong quá trình dự báo giá cả. Tuy nhiên, trường phái phân tích kỹ thuật dễ tiếp cận và hữu dụng nhất.

2.3 Sơ lược về phân tích dự báo giá cả

Để có cơ sở cho nhà đầu tư định hướng chiến lược kinh doanh của mình, phân tích dự báo giá cả trả lời cho các câu hỏi: giá đang rẻ hay đang mắc, giá sẽ ít biến động hay sẽ biến động mạnh, giá sẽ tăng hay sẽ giảm, giá sẽ tăng hay giảm trong bao lâu, giá sẽ tăng tới đâu hay giảm tới đâu, nếu xuống tới mức giá A thì giá sẽ ra sao sau đó, nếu tăng tới mức giá B thì giá sẽ ra sao sau đó?

Có nghĩa là, phân tích dự báo giá cả giải quyết các vấn đề sau:

- Xu hướng của giá

- Hình dạng của chuyển động giá
- Độ mạnh của sự biến thiên giá
- Thời gian hoàn thành xu hướng giá
- Độ lớn của sự biến thiên giá
- Chu kỳ tăng giảm của giá
- Các trường hợp đặc biệt, các đột biến khác.

Sau các bước phân tích theo kỹ thuật, các nhà phân tích cần làm thêm các bước sau:

- Tâm lý thị trường
- Các yếu tố ảnh hưởng nội tại, ngoại cảnh và ngoại lai
- Lịch sự kiện thông tin kinh tế sắp diễn ra
- Bối cảnh kinh tế, xã hội và địa chính trị
- Toàn cảnh vĩ mô của giá
- Thiên Nga Đen: Yếu tố bất ngờ, yếu tố may rủi
- Xác nhận lại độ tin cậy của dự báo
- Độ rủi ro: Xác định mức giá mà tại đó các phân tích đã thực hiện bị sai
- Kỳ vọng của dự báo và 61.8% kỳ vọng
- Tỷ lệ đúng sai của các lần dự báo trước.

2.4 Chiến lược kinh doanh hiệu quả

Sau khi có kết quả phân tích dự báo giá cả trong tương lai, chúng ta cần phải có một chiến lược kinh doanh hiệu quả.

Chiến lược kinh doanh hiệu quả bao gồm:

- Quyết định mua hay bán; mức giá mua, bán; Mua bán 1 lần hay trung bình giá (mua ròng, bán ròng)
- Mức độ, quy mô vốn đầu tư
- Thời gian: Ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; gián đoạn hay liên tục
- Mục tiêu lợi nhuận: Rõ ràng, cụ thể
- Hạn chế rủi ro: Điểm Dừng lỗ
- Chia sẻ rủi ro: Mua bán các loại sản phẩm tương đương
- Khoảng trống đầu tư: Nghỉ ngơi, thư giãn, xả stress sau mỗi lần giao dịch
- Tuân thủ nguyên tắc kinh doanh định sẵn và kỷ luật giao dịch.

2.5 Vài khuyến nghị

Thị trường cà phê là thị trường hàng hóa toàn cầu, trong đó cà phê có biên độ biến động lớn nhất. Do vậy, hoạt động kinh doanh cà phê rất phức tạp, dễ xảy ra thua lỗ nếu không có những chiến lược hiệu quả.

123 Group có vài khuyến nghị:

- Đối với người dân, nên chia sản lượng thu hoạch hàng năm ra làm 5 lần và bán rải đều từ tháng 1 đến tháng 5 hàng năm.
- Đối với doanh nghiệp thu mua cà phê nhỏ, nên mua bán trong ngày. Nếu muốn đầu tư giá lên, giữ lại qua đêm thì chỉ nên giữ một lượng nhỏ, khoảng 10% vốn.
- Đối với doanh nghiệp lớn hoặc xuất khẩu, cần phải áp dụng các công cụ phái sinh để bảo hiểm rủi ro. Nhưng không được biến việc bảo hiểm với các công cụ phái sinh thành việc kinh doanh hàng giấy đơn thuần.

Trong thời gian sắp tới, **123 Group** dự báo giá cà phê sẽ biến động rất mạnh và năm 2017 giá cà phê có thể tăng rất cao. Các đại lý thu mua và các công ty kinh doanh cà phê cần phải lên kế hoạch kinh doanh cẩn trọng.

Đặc biệt, giá cà phê càng ngày càng lệ thuộc vào các yếu tố vĩ mô toàn cầu, đặc biệt là các yếu tố tiền tệ nên việc cập nhật các thông tin kinh tế cần phải được chú trọng ở mức độ cao nhất.

Dự báo giá cà phê dù là quan trọng, nhưng chỉ là một phần nhỏ trong quá trình cạnh tranh và kinh doanh cà phê. Kế hoạch cạnh tranh và kế hoạch kinh doanh theo từng thời điểm, từng chu kỳ giá cả và từng giai đoạn lịch sử mới là phần cốt yếu dẫn đến thành công.

Chương III: Các vấn đề toàn cầu đang chi phối giá cà phê



Cũng như nhiều thị trường hàng hóa nông nghiệp khác, thị trường cà phê chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Trong lý thuyết cân bằng tổng thể của Kinh tế học thì hệ thống giá chỉ là sự phản ánh tính cân bằng của các giao dịch vật chất. Về cơ bản, cung cầu là những nhân tố chính ảnh hưởng đến sự hình thành giá cà phê. Tuy nhiên, các yếu tố cơ bản khác cũng ảnh hưởng đến sự dao động giá cà phê, ví dụ như: các vấn đề thời tiết (hạn hán, lượng mưa, sương giá,...), sức mạnh của đồng USD so với các đồng tiền khác, tỷ giá đồng tiền của các nước sản xuất cà phê so với USD, sự biến động của giá dầu, văn hoá cà phê,...

Trong giai đoạn hiện nay, biến đổi khí hậu, sự thay đổi chính sách tiền tệ của các NHTW lớn trên thế giới, biến động kinh tế - địa chính trị toàn cầu, bầu cử Tổng thống Mỹ, các hậu quả của Brexit, nạn di dân tại Châu Âu và báo cáo về cung cầu cà phê toàn cầu đang là các yếu tố chính yếu ảnh hưởng tới giá cà phê.

3.1 Biến đổi khí hậu

Tác động của biến đổi khí hậu tới ngành cà phê Việt Nam

Trong những năm qua, biến đổi khí hậu, sự nóng lên toàn cầu, đã tạo nên các hiện tượng thời tiết cực đoan, đây là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ 21 vì biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái, tài nguyên môi trường và cuộc sống của con người.

Việt Nam được đánh giá là 1 trong 5 quốc gia chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu. Những tháng đầu năm 2016, tình trạng khô hạn, xâm nhập mặn và thời tiết thất thường đang gây ảnh hưởng tiêu cực ở nhiều mức độ khác nhau lên khắp mọi miền đất nước.

Trong những tháng đầu năm 2016, giá rét ở miền Bắc, hạn hán ở miền Trung, Tây Nguyên và xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt ngành nông nghiệp, công nghiệp và xuất nhập khẩu. Trong đó, hạn hán đã làm cho nhiều người trồng cà phê ở Tây Nguyên trở nên lao đao và sản lượng cà phê Việt Nam có thể bị giảm khoảng từ 7 đến 10%.

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ, sản lượng cà phê của Việt Nam (chủ yếu là Robusta) niên vụ 2016-2017 giảm 7% xuống 27,3 triệu bao.

Hiện tượng El Nino đã chính thức chấm dứt từ cuối tháng Năm nhưng các nhà khoa học khí tượng đang cảnh báo hiện tượng La Nina sẽ mạnh lên từ nửa cuối năm 2016, gây mưa bão và ngập úng, có thể sẽ tiếp tục gây thiệt hại cho cây cà phê, ảnh hưởng tới mùa thu hoạch cà phê niên vụ 2016/2017 tại Việt Nam.

Tác động của biến đổi khí hậu đến ngành cà phê Brazil

Dù nhiều nước sản xuất cà phê lớn trên thế giới bị ảnh hưởng nặng nề vì biến đổi khí hậu thì thời tiết thuận lợi tại các vùng trồng cà phê Arabica tại Brazil đã cho một mùa vụ được mùa. USDA dự báo tổng sản lượng cà phê niên vụ 2016/2017 tại Brazil sẽ đạt 55,95 triệu bao, trong đó sản lượng cà phê Arabica tăng mạnh hơn 21% so với niên vụ trước, đạt mức 43,85 triệu bao.

Nhưng, sản lượng cà phê Robusta niên vụ 2016/17 tại Brazil lại được dự báo giảm ở năm thứ hai liên tiếp, ước đạt 12,1 triệu bao, giảm 1,2 triệu bao so với niên vụ 2015/16. Nhiệt độ trên mức trung bình và các đợt khô hạn kéo dài tại bang Espirito Santo tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tiềm năng sản lượng cà phê tại bang này. Ngoài ra, tình trạng thiếu nước vẫn là vấn đề đối với bang Espirito Santo, vì thế hạn chế khả năng sử dụng biện pháp tưới tiêu đối với các nông trường cà phê, một tập quán phổ biến tại bang này.

Hiện nay, một số dự báo sương giá đã gây một số thiệt hại cho cây cà phê Arabica trong mùa Đông năm 2016 tại Brazil, nhưng số liệu thực tế liên quan chưa được cập nhật.

Tác động của biến đổi khí hậu đến các nước sản xuất cà phê khác

Tại Colombia có hai giai đoạn thu hoạch cà phê trong năm. Giai đoạn thu hoạch chính từ tháng 10 đến tháng 12, sản xuất gần 60% tổng sản lượng cà phê Colombia. Giai đoạn thứ hai từ tháng 4 đến tháng 6, tức vụ cà phê Mitaca, chủ yếu tại miền trung Colombia.

Sản xuất cà phê hiện nay tại Colombia vẫn mạnh do hiện tượng El Nino chỉ tác động nhẹ tới các vùng trồng cà phê nước này. Nhưng, USDA dự báo, sản lượng cà phê Colombia sẽ giảm trong niên vụ 2016/17 xuống 13,3 triệu bao do ảnh hưởng lũ lụt và mưa do hiện tượng La Nina gây ra trong giai đoạn thu hoạch cà phê vụ giữa năm hay vụ cà phê Mitaca.

Cho dù mô hình thời tiết có ảnh hưởng tối thiểu đối với sản xuất cà phê, người trồng cà phê và các quan chức Chính phủ Colombia vẫn thận trọng về tác động của biến đổi khí hậu đến sự phát triển cây trồng và thu hoạch cà phê.

Hiện tượng thời tiết La Nina được dự báo trở thành hiện thực vào cuối năm 2016 và nửa đầu năm 2017 có thể ảnh hưởng đến giai đoạn ra hoa đối với vụ cà phê Mitaca 2016/17. Điều kiện ẩm ướt dễ dẫn đến dịch nấm gỉ sét lá cà phê nhưng mối đe dọa đó sẽ được giảm thiểu nhờ chương trình tái canh cà phê chủng loại cây cà phê có sức kháng bệnh gỉ sét lá tốt vào những năm đầu thập niên 2010.

Theo báo cáo ngày 12/5/2016 của USDA, Indonesia đã trải qua hiện tượng El Nino nghiêm trọng trong niên vụ 2015/16, dẫn đến hạn hán trên phần lớn quần đảo này. Thời tiết khô hạn gây gián đoạn quá trình ra hoa và chín hạt cà phê tại Indonesia, do đó kỳ vọng sản lượng cà phê nước này sẽ giảm trong niên vụ 2016/17. Thời tiết khô hạn diễn ra tại các vùng thấp như Nam Sumatra và Java, nơi gần 75% cà phê Robusta của Indonesia được trồng. Người trồng cà phê và giới thương nhân kỳ vọng sản lượng cà phê Robusta của Indonesia sẽ giảm gần 15%. Sản xuất cà phê Arabica chủ yếu diễn ra ở Bắc Sumatra, hầu như không chịu ảnh hưởng bởi El Nino.

Sản lượng cà phê niên vụ 2016/17 có thể thấp hơn niên vụ 2015/16 do điều kiện phát triển của hoa cà phê kém và đợt mưa nuôi hoa (tháng 3 - tháng 4) ảnh hưởng cả về diện tích thu hái và số lượng cây cho trái. Mưa nuôi hoa là cực kỳ quan trọng cho việc đậu trái nhưng lượng mưa trong các tháng 2 và 3 cộng với thiếu nước tưới đã ảnh hưởng đến đậu trái của cả cà phê Arabica lẫn Robusta.

Trong suốt mùa mưa đông bắc (tháng 10 - 12), các vùng cà phê nhận lượng mưa trên trung bình, đặc biệt trong tháng 12, cà phê gặp phải một đợt dịch bệnh làm trái non rụng nhiều, nguyên đợt đó không sản lượng ảnh hưởng giảm một ít.

3.2 Kinh tế Mỹ và chính sách tiền tệ của Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed)

Thông tin quan trọng nhất trong những ngày tới là cuộc họp của Ủy ban thị trường mở Liên bang Mỹ và Fed sẽ công bố lãi suất vào giữa tháng 9/2016. Thị trường đang tăng gia khả năng Fed sẽ nâng lãi suất điều hoà vốn trong kỳ họp này vì các điều kiện kinh tế Mỹ cũng như rủi ro toàn cầu đã đáp ứng yêu cầu của Fed.

Sau 9 năm không tăng lãi suất và giữ chính sách nới lỏng tiền tệ thì Fed đã tăng lãi suất lần đầu tiên vào tháng 12/2015 đồng thời đưa ra bình luận sẽ tăng lãi suất từ từ và thận trọng trong năm 2016 theo diễn biến của tình hình kinh tế Mỹ cũng như toàn cầu. Trong 2/3 đầu năm 2016, Fed vẫn chưa có động thái tăng lãi suất.

Đồng USD tăng giá thường khiến giá cà hàng hoá suy giảm và ngược lại. Đồng USD tăng giá mạnh mẽ từ cuối năm 2014 đến đầu năm 2016 là yếu tố chủ yếu khiến giá cà phê giảm mạnh từ giữa tháng 11/2014 đến cuối tháng 2/2016.

Từ đầu năm 2016, chỉ số USD giảm mạnh là nguyên nhân khiến giá cà phê nhảy vọt từ đầu tháng 3/2016 đến đầu tháng 6/2016.

Diễn biến của chỉ số USD còn tác động mạnh tới diễn biến hầu hết các thị trường khác, qua đó các thị trường khác biến động lại gián tiếp hay trực tiếp tác động lên giá cà phê. Do vậy, diễn biến của chỉ số USD là yếu tố quan trọng trong nghiên cứu, phân tích và dự báo giá cà phê.

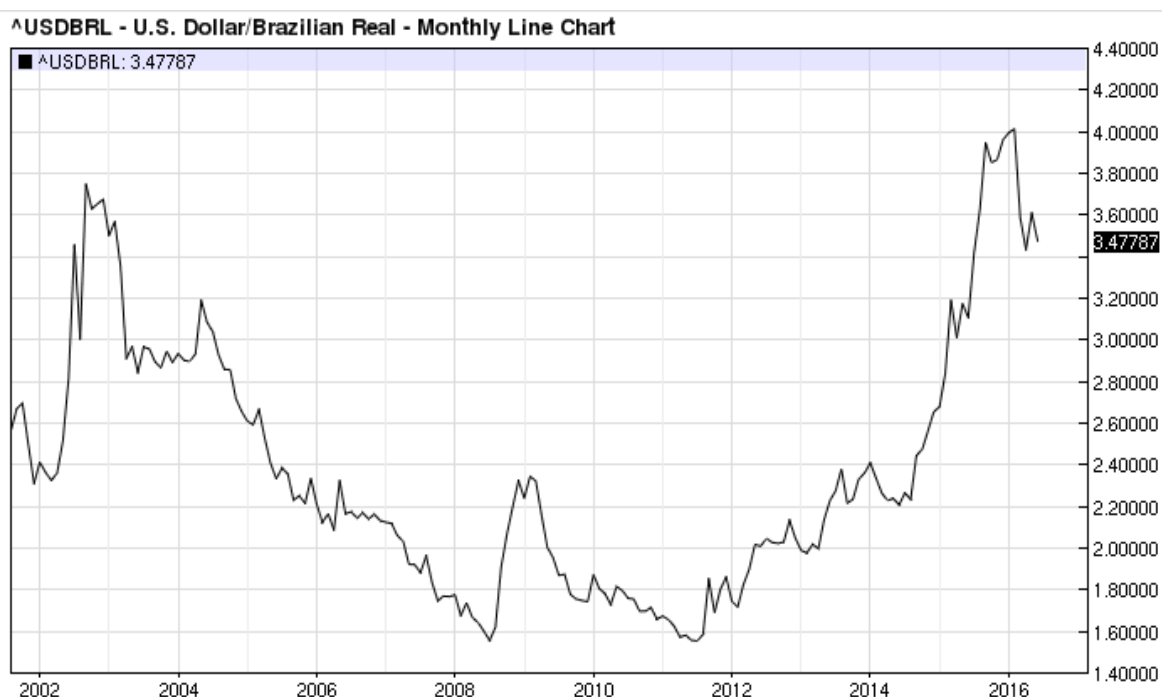
Chỉ số USD tăng mạnh trong những năm qua do Fed có khuynh hướng thắt chặt trong khi Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản,... đang nới lỏng. Từ đầu năm 2016, kinh tế Mỹ khựng lại, tình hình bất ổn toàn cầu gia tăng khiến Fed do dự trong việc tăng lãi suất nên chỉ số USD chững lại khiến giá cà phê gia tăng.

123 Group dự báo chỉ số USD sẽ có đợt tăng giá mạnh trở lại sát 99 điểm vào giữa tháng 9/2016 rồi sau đó giảm nhiều.

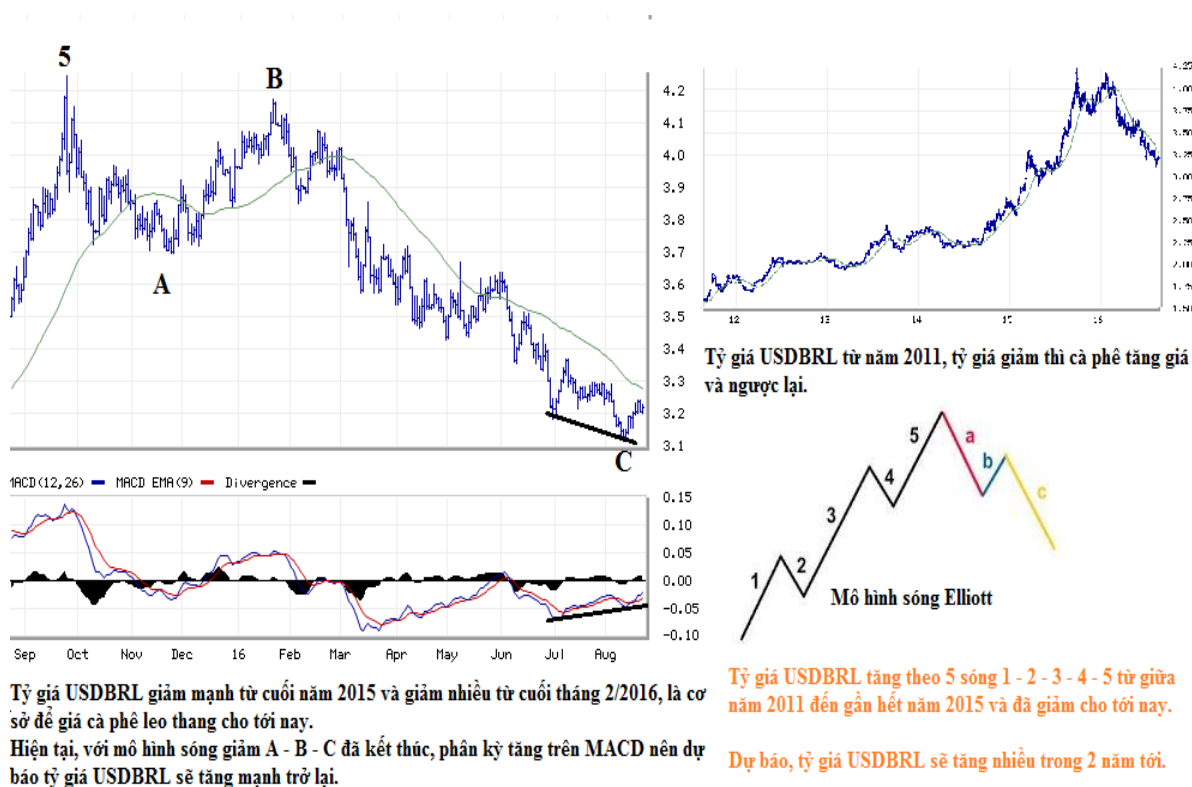
3.3 Chính sách tiền tệ của NHTW Brazil và tỷ giá USDBRL

Đồng nội tệ BRL của Brazil tăng giá mạnh mẽ từ cuối tháng 2 đến giữa tháng 7/2016 (hay tỷ giá USDBRL giảm) là nguyên nhân chủ yếu khiến giá cả phê tăng.

Tỷ giá USDBRL đã giảm từ mức 4,1552 xuống 3,1 vào giữa mùa Đông tại Brazil do căng thẳng địa chính trị tạm lắng, Tổng thống tạm quyền và thống đốc NHTW mới thay thế đã có niềm tin với nhân dân trong việc khôi phục nền kinh tế lớn thứ 7 thế giới thoát khỏi suy thoái và tham nhũng. Giá cả tăng trong thời gian qua cũng góp phần giúp đồng BRL tăng giá. Thế vận hội 2016 là một điểm nhấn cho sức mạnh của đồng real. Tuy nhiên, theo các phân tích kỹ thuật của **123 Group**, tỷ giá USDBRL sắp tới sẽ có pha hồi phục đáng kể hay có nghĩa là đồng BRL sẽ mất giá mạnh trở lại so với USD.



Tỷ giá USDBRL trong 15 năm qua



Nguồn: 123 Group

Dự báo tỷ giá USDBRL sẽ có pha hồi phục đáng kể thời gian tháng tới

Năm 2011, tỷ giá USDBRL giảm còn 1,5 là cơ sở giúp giá cà phê thế giới tăng lên đỉnh cao. Từ giữa năm 2011 đến đầu năm 2016, tỷ giá USDBRL tăng vọt là nguyên nhân khiến giá cà phê bị suy giảm mạnh.

Sức mạnh của đồng BRL phụ thuộc vào sức khỏe của nền kinh tế Brazil, quyết tâm chống tham nhũng của Chính phủ mới, chính sách tiền tệ của NHTW Brazil, chính sách tiền tệ của Fed và nhiều nước khác, đặc biệt là Trung Quốc và Châu Âu.

Brazil là nước xuất khẩu hàng hoá. Do đó, giá cả hàng hoá tăng sẽ hỗ trợ đồng BRL và ngược lại.

3.4 Thị trường hồi đoái và giá cà phê

Đồng USD là đồng tiền tham chiếu trong hầu hết các giao dịch cà phê. Sức mạnh của đồng USD so với các đồng nội tệ của các nước xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới (9 nước) cũng có sức ảnh hưởng đến giá cà phê do các nước này chiếm đến 75,7% khối lượng cà phê xuất khẩu trung bình trong giai đoạn 1990 - 2014.

Bảng dưới đây cho biết hệ số tương quan giữa giá cà phê và các cặp tỷ giá giữa đồng USD so với đồng tiền của 9 nước xuất khẩu cà phê hàng đầu thế

giới (giai đoạn 1990 - 2014), trong đó đồng nội tệ của Brazil, Ethiopia, Việt Nam và Uganda có tương quan cao.

	Arabica tương lai / New York	Robusta tương lai / London
Arabica tương lai / New York	1.00	
Robusta tương lai / London	0.81	1.00
BRL/US\$ *(Brazilian real/US dollar)	-0.49	-0.66
COP/US\$ (Colombian peso/US dollar)	-0.08	-0.28
ETB/US\$ (Ethiopian birr/US dollar)	0.58	0.32
GTQ/US\$ (Guatemalan quetzal/US dollar)	0.17	-0.05
INR/US\$ (Indian rupee/US dollar)	0.26	0.09
IDR/US\$ (Indonesian rupee/US dollar)	0.15	-0.05
MXN/US\$**(Mexican peso/US dollar)	0.29	-0.03
UGX/US\$ (Ugandan shilling/US dollar)	0.38	0.11
VND/US\$ (Vietnamese dong/US dollar)	0.46	0.21

* Brazil: Tỷ giá từ tháng 7/1994

Nguồn dữ liệu: ICO

** Mexico: Tỷ giá từ tháng 10/1992

Thị trường cà phê Robusta tương lai tại London vốn nhạy cảm với tình hình cung cầu cà phê Robusta, có mối quan hệ rất yếu đối với tỷ giá hối đoái của các nước sản xuất cà phê Robusta chính. Chỉ có đồng real của Brazil có mối quan hệ mạnh đối với giá cà phê Robusta tương lai tại London. Nói cách khác, đồng USD mạnh lên so với đồng real của Brazil thường đi kèm với đà giảm giá của cà phê Robusta hoặc ngược lại.

Đồng EUR có hiệu lực vào tháng 1/1999 và trở thành đồng tiền năng động trong các giao dịch từ tháng 1/2002. Cần chú ý rằng Liên minh Châu Âu (EU) là điểm đến của hơn 50% khối lượng xuất khẩu cà phê các loại trung bình hàng năm từ các nước xuất khẩu. Chính vì vậy, biến động của đồng EUR cũng nên được xem xét khi phân tích mối tương quan với giá cà phê.

Đồng EUR cũng có vị thế đồng tiền tham chiếu trong các giao dịch cà phê như đồng USD. Trong giai đoạn 2002 - 2014, khối lượng xuất khẩu các loại cà phê trung bình hàng năm đến Châu Âu đạt 51,1 triệu bao, trong đó 47,6 triệu bao đến các nước EU, so với mức 21,7 triệu bao đến khu vực Bắc Mỹ.

Bảng số liệu sau đây cho biết hệ số tương quan giữa giá cà phê và các cặp tỷ giá (trong đó có tỷ giá EURUSD) trong giai đoạn 2002 - 2014.

	Arabica tương lai / New York	Robusta tương lai / London
Arabica tương lai / New York	1.00	
Robusta tương lai / London	0.83	1.00
Euro to US\$	-0.60	-0.73
BRL/US\$ *(Brazilian real/US dollar)	-0.70	-0.76
COP/US\$ (Colombian peso/US dollar)	-0.75	-0.84
ETB/US\$ (Ethiopian birr/US dollar)	0.76	0.67
GTQ/US\$ (Guatemalan quetzal/US dollar)	-0.09	-0.26
INR/US\$ (Indian rupee/US dollar)	0.19	0.24
IDR/US\$ (Indonesian rupee/US dollar)	0.11	0.25
MXN/US\$**(Mexican peso/US dollar)	0.57	0.54
UGX/US\$ (Ugandan shilling/US dollar)	0.65	0.55
VND/US\$ (Vietnamese dong/US dollar)	0.76	0.71

Nguồn dữ liệu: ICO

Theo đó, có nhiều hệ số tương quan âm khá mạnh giữa giá cà phê và tỷ giá hối đoái tham chiếu đồng USD, nhất là đồng EUR, đồng BRL và đồng COP (peso của Colombia). Nói cách khác, đồng USD tăng giá so với các đồng tiền này thường đi kèm với đà giảm giá của cà phê. Ngoài ra, mối tương quan này thể hiện khá mạnh khi tham chiếu đồng tiền của các nước Ethiopia, Mexico, Uganda và Việt Nam, cho thấy tỷ giá hối đoái các đồng tiền này so với đồng USD và giá cà phê thường cùng xu hướng. Tuy nhiên, tỷ giá hối đoái các đồng tiền của các nước khác (Guatemala, Ấn Độ và Indonesia) so với đồng USD không thể hiện mối tương quan mạnh đối với giá cà phê.

Mối quan hệ giữa giá cà phê thế giới và tỷ giá USDBRL là đáng chú ý nhất. Tỷ giá USDBRL thường diễn biến tỷ lệ nghịch với giá cà phê.

Các yếu tố tiền tệ này trở thành chỉ báo tốt về xu hướng thị trường cà phê. Mối quan hệ mật thiết đó cũng cho phép chúng ta dự báo được xu hướng thị trường cà phê và triển vọng xuất khẩu cà phê thế giới trong tương lai gần.

3.5 Brexit

Ngày 23/6, nước Anh trưng cầu dân ý về việc ở lại hay rời khỏi Liên minh châu Âu (EU), còn được gọi là Brexit. Brexit đã xảy ra, gây nên một cơn sóng thần trên thị trường tài chính, đồng Bảng Anh rớt xuống đáy hơn 31 năm, đồng Euro giảm mạnh, USD tăng vọt và nhiều hệ lụy khác.

Các sự kiện và diễn biến hậu Brexit, bao gồm cả vấn đề di dân, người nhập cư, sẽ là những yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng gián tiếp tới giá cà phê trong

tương lai, bởi vì các yếu tố này ảnh hưởng tới bất ổn toàn cầu, bất ổn kinh tế và sự biến động của các đồng tiền, dịch chuyển dòng vốn đầu tư.

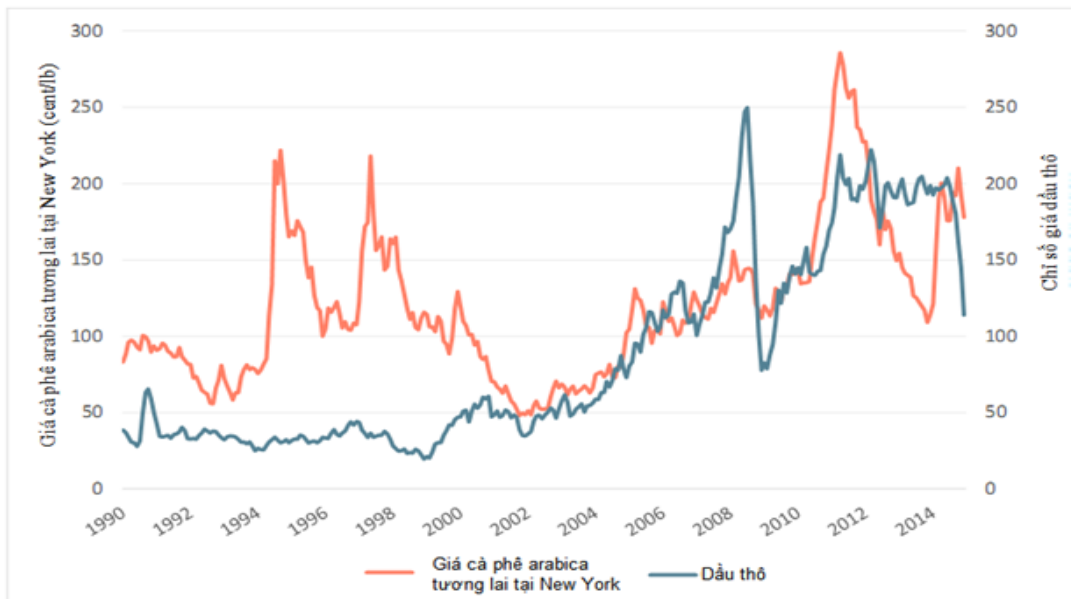
3.6 Mỗi tương quan giữa giá dầu thô và giá cà phê

Dầu đóng vai trò quan trọng trong ngành nông nghiệp hiện đại. Dầu dùng làm nhiên liệu cho các phương tiện vận tải và máy móc nông nghiệp. Khi giá nhiên liệu (dầu) tăng lên thì chi phí đầu tư chăm sóc và thu hoạch cà phê cũng sẽ tăng theo, từ đó có thể ảnh hưởng đến giá cà phê.

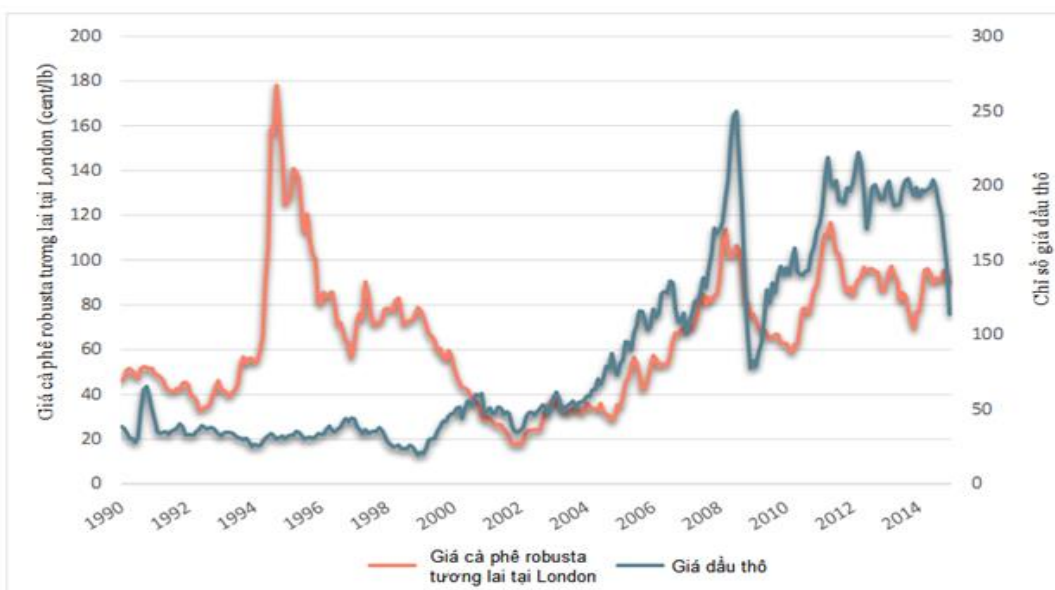
Nói cách khác, giá dầu tăng có thể khiến cho chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất cà phê tăng lên, dẫn đến khả năng người nông dân sẽ giảm mức độ sử dụng nguồn tài chính đầu tư ban đầu (như phân bón, nhiên liệu) do những khoản chi phí này quá đắt đối với họ. Khi đó, tình trạng giảm mức độ đầu tư đầu vào cho sản xuất cà phê sẽ dẫn đến viễn cảnh giảm năng suất và sản lượng cà phê. Từ trong phạm vi của phân tích này sẽ tiến hành phân tích so sánh giữa giá cà phê và giá dầu, mối quan hệ giữa giá cà phê và tỷ giá USD so với các đồng tiền nội tệ của các nước xuất khẩu cà phê được chọn. Mục đích nhằm phân tích bản chất mối quan hệ giữa giá cà phê và giá dầu cũng như dao động của đồng USD đó có thể ảnh hưởng đến giá cà phê theo chiều hướng tích cực.

Khi giá nhiên liệu (dầu) tăng lên thì chi phí đầu tư chăm sóc và thu hoạch cà phê cũng sẽ tăng theo, từ đó có thể ảnh hưởng đến giá cà phê. Nói cách khác, giá dầu tăng có thể khiến cho chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất cà phê tăng lên, dẫn đến khả năng người nông dân sẽ giảm mức độ sử dụng nguồn tài chính đầu tư ban đầu (như phân bón, nhiên liệu) do những khoản chi phí này quá đắt đối với họ. Khi đó, tình trạng giảm mức độ đầu tư đầu vào cho sản xuất cà phê sẽ dẫn đến viễn cảnh giảm năng suất và sản lượng cà phê, từ đó có thể ảnh hưởng đến giá cà phê theo chiều hướng tích cực.

Để hiểu rõ hơn về mối tương quan giữa giá dầu và giá cà phê, chúng ta hãy tham khảo biểu đồ thể hiện mối tương quan giữa giá dầu với giá cà phê Arabica tương lai tại New York và giá cà phê Robusta tại London. Chỉ số giá dầu thô được sử dụng làm giá tham chiếu cho các sản phẩm dầu. Các biểu đồ ở đây thể hiện diễn biến giá chỉ số dầu thô có mối tương quan tương đối cao với mức giá trung bình hàng tháng của cà phê Arabica tương lai tại New York và cà phê Robusta tương lai tại London trong giai đoạn 1990 – 2014.



**Chỉ số giá dầu thô và giá cà phê Arabica tương lai tại New York –
Nguồn: ICO**



**Chỉ số giá dầu thô và giá cà phê Robusta tương lai tại London
– Nguồn: ICO**

Theo nghiên cứu của các chuyên gia Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), mối tương quan giữa chỉ số giá dầu thô và giá cà phê được thể hiện qua phân tích hồi quy với phương trình sau đây:

$$Y = aX + b$$

Trong đó, Y là biến giải thích hay biến phụ thuộc, thể hiện giá cà phê; X là biến giải thích và thể hiện chỉ số giá dầu thô (là biến số đóng vai trò trong

việc giải thích sự biến đổi của một biến độc lập trong phân tích hồi quy); a là độ dốc của đường hồi quy, chỉ phạm vi mối quan hệ giữa chỉ số giá dầu thô và giá cà phê; b là biến ngẫu nhiên.

Các chuyên gia ICO cũng đưa ra phân tích dữ liệu giai đoạn từ tháng 1/2002 - tháng 12/2014 cho thấy hệ số tương quan đáng kể giữa giá cà phê và chỉ số giá dầu thô, theo bảng dưới đây.

	Dầu thô	Arabica tương lai / New York	Robusta tương lai / New York
Dầu thô	1		
Arabica tương lai / New York	0.78	1	
Robusta tương lai / London	0.90	0.83	1
ICO Composite	0.83	0.99	0.88
Colombian Milds	0.74	0.96	0.79
Other Milds	0.77	0.99	0.82
Brazilian Naturals	0.79	1.00	0.84
Robustas	0.91	0.83	1.00

Nguồn dữ liệu: ICO

Theo dữ liệu phân tích thì có mối tương quan tích cực khá mạnh giữa chỉ số giá dầu thô và giá cà phê khi hệ số tương quan dao động từ 0.74 đến 0.91, cho thấy giá cà phê và chỉ số giá dầu thô biến động theo cùng xu hướng.

Nhìn chung, mối quan hệ giữa giá cà phê và chỉ số giá dầu thô không thực sự nổi bật trong cả giai đoạn 1990 - 2014 nhưng lại gây chú ý trong giai đoạn 2002 - 2014.

3.7 Báo cáo cam kết thương nhân

Các cam kết của thương nhân (Commitments of Traders - COT) là một báo cáo tổng hợp sự thay đổi vị thế mua hay bán trên các thị trường hàng hóa của các tổ chức phát hành mỗi thứ Ba hàng tuần bởi CFTC - Ủy ban Thương mại hàng hóa tương lai Hoa Kỳ.

Báo cáo COT cung cấp số liệu phân tích về sự thay đổi vị thế các hợp đồng mở trên các thị trường của 20 hoặc nhiều hơn các thương nhân giữ các vị thế tương đương hoặc cao hơn mức báo cáo được thiết lập bởi CFTC.

Có hai loại báo cáo COT, gồm Long Format và Short Format. Các báo cáo Short Format cho số liệu về vị thế riêng biệt về các hợp đồng mở của nhóm Reportable và Nhóm Nonreportable. Đối với Nhóm Reportable, dữ liệu bổ sung, thay đổi so với báo cáo trước đó, được cung cấp từ vị thế nắm giữ của các nhà thương mại và phi thương mại, nhóm kinh doanh hoán đổi, tỷ lệ phần trăm các hợp đồng mở theo từng nhóm, và số lượng thương nhân.

Các báo cáo Long Format, ngoài các thông tin trong bản báo cáo Short Format, cung cấp thêm các dữ liệu thống kê theo năm, và khi thích hợp, cho thấy mức độ nắm giữ vị thế của 4 và 8 nhà kinh doanh lớn nhất thị trường.

Báo cáo bổ sung tổng hợp các vị thế trên thị trường tương lai và quyền chọn (Options) bao gồm vị thế của các nhà thương mại, phi thương mại, các quỹ đầu tư chỉ số và các nhà đầu cơ trên 12 loại nông sản được lựa chọn (trong đó có cà phê). Báo cáo bổ sung cho tương lai tổng hợp và vị trí lựa chọn của phi thương mại, thương mại, và Index Traders trong 12 mặt hàng nông sản được lựa chọn.

Báo cáo COT thường được công bố vào ngày thứ Sáu, lúc 03 giờ 30 p.m, giờ CST .

Trên thị trường cà phê, các chủ thể giao dịch MUA hay BÁN các hợp đồng cà phê tương lai hay kỳ hạn, các hợp đồng quyền chọn, và số lượng mua bán của họ được CFTC thống kê hàng tuần trong báo cáo COT.

Báo cáo COT liệt kê số lượng Mua hay Bán các Hợp đồng mở - Open Interest của các nhóm chủ thể tham gia thị trường để đảm bảo sự minh bạch và để các nhà đầu tư tham gia có số liệu thống kê, có các đánh giá tổng thể về thị trường cà phê nhằm giao dịch có định hướng và minh bạch hơn.

Các chủ thể tham gia thị trường cà phê và được CFTC thống kê giao dịch, gồm:

- **Producer/Merchant/Processor/User:**

Tạm dịch là: Nhà sản xuất / Thương mại / Chế biến / Người sử dụng

Nhóm này được gọi chung là Nhóm Thương Mại. Đây là nhóm chủ thể thương mại, mua bán và liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất, chế biến, đóng gói vận chuyển cà phê từ nông dân, người sản xuất đến tận tay người tiêu dùng.

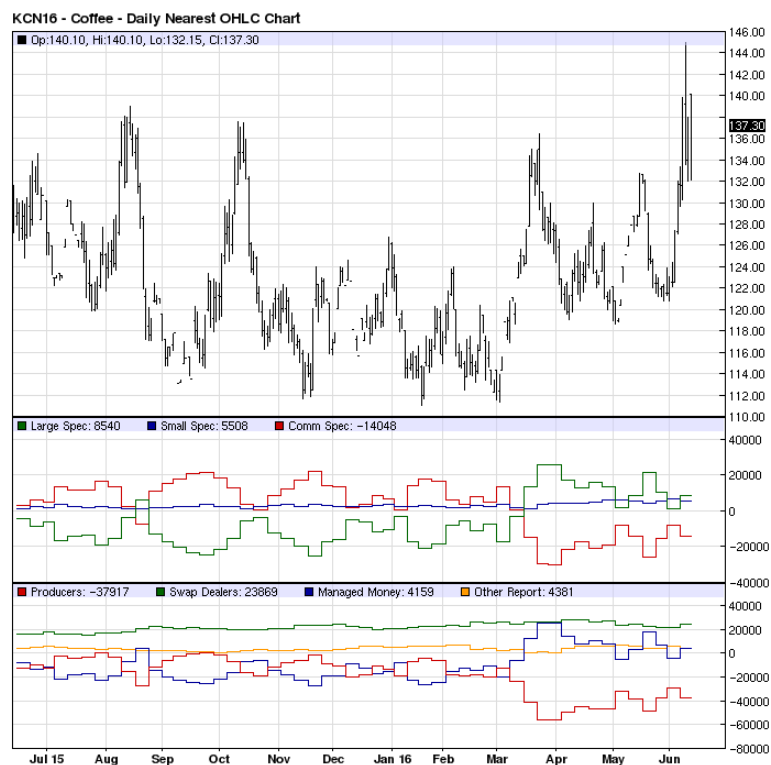
Nhóm chủ thể này sử dụng các công cụ phái sinh trên thị trường cà phê kỳ hạn hay quyền chọn để quản lý rủi ro và bảo hiểm (hedge) là chủ yếu. Các rủi ro liên quan đến sự biến động khó lường của giá cà phê khiến cho tổn thương lợi nhuận trong quá trình kinh doanh hàng thực.

Các công ty xuất khẩu cà phê tại Việt Nam, các thương nhân mua bán thông qua các công ty nhập khẩu cà phê, các nhà rang xay cà phê đều nằm trong nhóm này.

- **Swap Dealer/Index Trader**

Swap Dealer: Có thể là các quỹ đầu tư (investment fund, mutual fund, hedge fund), các công ty kinh doanh cà phê... dùng các công cụ phái sinh trên thị trường cà phê để bảo hiểm rủi ro, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của mình.

Index Trader: Các quỹ đầu tư chỉ số, các nhà đầu tư chỉ số, thông thường là các ngân hàng, các định chế tài chính lớn. Họ tham gia thị trường cà phê chủ yếu trên việc phân tích các chỉ số hàng hóa, kinh doanh các nhóm hàng, trong đó có cà phê mà thực chất họ không bao giờ biết đến hoạt động kinh doanh hàng thật.



- **Money Manager:**

Các chủ thể đang quản lý quỹ, quản lý vốn cho các nhà đầu tư cá nhân hay tổ chức khác. Họ là các công ty tài chính, các quỹ đầu tư, quỹ hưu trí hay các công ty tư vấn kinh doanh hàng hóa (commodity trading advisor) hay các quỹ huy động nguồn vốn (commodity pool operator)...

- **Other reportables:**

Các chủ thể khác không được liệt kê vào các loại trên.

- **Non reportables:**

Là các số liệu chưa được phân vào các chủ thể trên và các chủ thể có quy mô nhỏ không được liệt kê ở các mục trên.

3.8 Báo cáo cung cầu cà phê toàn cầu

Các nước sản xuất cà phê hàng đầu thế giới bao gồm Brazil, Việt Nam, Colombia và Indonesia. Trong khi đó, tiêu thụ cà phê tập trung tại Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản.

Hiện nay, các thị trường mới nổi trong ngành cà phê thế giới rất đáng quan tâm, bao gồm: Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga, Lào,...

Giá cà phê và thị trường cà phê thông thường biến động theo sát các báo cáo về cung cầu cà phê của các cơ quan chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các hiệp hội quốc tế hay tại các nước sản xuất cà phê và của các doanh nghiệp cà phê lớn.

Sau đây là các báo cáo quan trọng đáng quan tâm để có các thông tin về cung cầu cà phê, chính sách quản lý ngành hàng của Chính phủ, các dự báo của các tổ chức, các dữ liệu thống kê khác.

- Báo cáo về ngành cà phê từng nước sản xuất cà phê và ngành cà phê toàn cầu của Bộ Nông nghiệp Mỹ, xuất bản 2 lần/năm, vào giữa năm và vào cuối năm dương lịch.
- Báo cáo hàng tháng của Tổ chức Cà phê Quốc tế.
- Báo cáo cam kết thương nhân của Ủy ban Thương mại Hàng hoá Tương lai của Mỹ (CFTC) hàng tuần, vào thứ 3 và thứ 6.
- Báo cáo của nhà quản lý các sàn giao dịch cà phê.
- Báo cáo của Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Tiền tệ quốc tế,...
- Các báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước, các hiệp hội cà phê của các nước sản xuất cà phê như: CONAB, Bộ NN & PT NN Việt Nam, Tổng cục Thống kê, Hải quan, GCA, Vicofa,...
- Báo cáo của các tập đoàn đa quốc gia như Ecom, Olam, Rabobank, Safras e Mercado, Volcafe,...
- Các báo cáo thời tiết của các hãng dự báo thời tiết uy tín tại các vùng trồng cà phê như Somar.

Báo cáo giữa kỳ của Bộ Nông nghiệp Mỹ về ngành cà phê toàn cầu xuất bản giữa tháng 6/2016 là báo cáo quan trọng nhất, cụ thể như sau:

Về sản lượng, xuất khẩu, tiêu thụ, tồn kho cà phê từ các nước sản xuất hàng đầu thế giới, trong tháng 5, Dịch vụ Nông nghiệp nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã liên tiếp công bố số liệu ước tính cung cầu cà phê niên vụ 2016/17 của Brazil, Colombia, Indonesia, Việt Nam, Ấn Độ và một số nước sản xuất nhỏ khác.

Brazil

USDA cho biết Văn phòng Thương mại Nông nghiệp (ATO) của Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Sao Paulo, Brazil dự báo sản lượng cà phê Brazil trong niên vụ 2016/17 ước đạt 55,95 triệu bao loại 60kg, tăng 6,55 triệu bao so với ước tính niên vụ 2015/16. ATO đã tiến hành khảo sát trên các nông trường cà phê tại các vùng sản xuất cà phê chính (Minas Gerais, Espirito Santo, Sao Paulo và Parana) để quan sát quá trình phát triển mùa vụ, hình thành hạt, đồng thời thu thập thêm thông tin từ các nguồn tin của Chính phủ Brazil, văn phòng nông nghiệp các bang, các hiệp hội người trồng cà phê, các hợp tác xã và giới thương nhân làm cơ sở đánh giá sản lượng.

a) Arabica:

ATO dự báo sản lượng cà phê Arabica của Brazil niên vụ 2016/17 đạt 43,85 triệu bao, tăng 21% so với niên vụ trước.

Quá trình phát triển hoa thuận lợi giữa tháng 9 và tháng 11/2015 tại tất cả các vùng sản xuất và điều kiện thời tiết nhìn chung thuận lợi trong suốt giai đoạn phát triển kết hạt có thể góp phần dẫn đến năng suất cà phê tốt hơn kỳ vọng so với mùa trước. Kích thước hạt lớn hơn các niên vụ trước cũng góp phần gia tăng sản lượng.

b) Robusta:

Tuy nhiên, sản lượng cà phê Robusta niên vụ 2016/17 kỳ vọng giảm ở năm thứ hai liên tiếp, ước đạt 12,1 triệu bao, giảm 1,2 triệu bao so với niên vụ 2015/16.

Nhiệt độ trên mức trung bình và các đợt khô hạn kéo dài tại bang Espirito Santo tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tiềm năng sản lượng cà phê tại bang này. Ngoài ra, tình trạng thiếu nước vẫn là vấn đề đối với bang Espirito Santo, vì thế hạn chế khả năng sử dụng biện pháp tưới tiêu đối với các nông trường cà phê, một tập quán phổ biến tại bang này.

Giai đoạn thu hoạch tại các vùng sản xuất cà phê Robusta bắt đầu vào tháng 3 và tháng 4, trong khi đó thu hoạch cà phê Arabica chỉ mới bắt đầu vào tháng 5. Kỳ vọng có khoảng 7-8 triệu bao cà phê Arabica thuần chế biến ứt sẽ được thu hoạch trong năm 2016. Brazil sẽ giành được thị phần quốc tế lớn hơn cà phê Colombia và các nước Trung Mỹ.

Năng suất cà phê Brazil niên vụ 2016/17 dự báo đạt 27,03 bao/ha, tăng 13% so với niên vụ trước (23,86 bao/ha.). Năng suất cà phê Arabica tăng bù lại thiệt hại sản lượng cà phê Robusta.

Sản lượng cà phê Brazil (triệu bao loại 60kg)					
Bang/Loại cà phê	MY 12/13	MY 13/14	MY 14/15	MY 15/16	MY 16/17
Minas Gerais	29.50	29.40	26.00	25.30	31.50
Southwest	15.70	15.00	14.00	12.20	17.00
Central-western	6.40	5.50	6.20	5.50	7.00
Southeast	7.40	8.90	5.80	7.60	7.50
Espirito Santo	15.20	15.80	16.40	13.00	11.80
Arabica	3.00	3.50	3.30	3.10	3.40
Robusta	12.20	12.30	13.10	9.90	8.40
Sao Paulo	5.40	4.60	4.60	4.30	5.40
Parana	1.80	1.70	1.00	1.20	1.10
Vùng khác	5.70	5.70	6.30	5.60	6.15
Arabica	2.40	2.60	2.40	2.20	2.45
Robusta	3.30	3.10	3.90	3.40	3.70
Tổng	57.60	57.20	54.30	49.40	55.95
Arabica	42.10	41.80	37.30	36.10	43.85
Robusta	15.50	15.40	17.00	13.30	12.10
Nguồn: ATO/Sao Paulo					

So sánh ước tính sản lượng cà phê theo bang và loại cà phê tại Brazil từ niên vụ 2012/13 - 2016/17

Về tiêu thụ cà phê, ATO/Sao Paulo dự báo tiêu thụ cà phê nội địa của Brazil trong niên vụ 2016/17 sẽ ổn định ở mức 20,51 triệu bao (19,4 triệu bao cà phê rang xay/nghiền và 1,11 triệu bao cà phê hòa tan). Nếu so với niên vụ 2015/16, tình hình tiêu thụ cà phê phản ánh sự suy giảm kinh tế Brazil và sự thay đổi về mô hình tiêu thụ, dù nhu cầu cà phê đối với các hộ gia đình Brazil vẫn cao.

Tiêu thụ cà phê rang xay và hòa tan nội địa (triệu bao loại 60kg, kg/năm)					
Năm	Tiêu thụ (triệu bao loại 60kg)			Tiêu thụ bq đầu người (kg)	
	Rang/Nghiên	Hòa tan	Tổng	Rang	Cà phê hạt
2001	13.00	0.60	13.60	3.91	4.88
2002	13.30	0.74	14.04	3.86	4.83
2003	12.90	0.80	13.70	3.72	4.65
2004	14.10	0.80	14.90	4.01	5.01
2005	14.60	0.90	15.50	4.11	5.14
2006	15.40	0.93	16.33	4.27	5.34
2007	16.10	1.00	17.10	4.42	5.53
2008	16.68	0.98	17.66	4.51	5.64
2009	17.37	1.02	18.39	4.65	5.81
2010	18.06	1.07	19.13	4.81	6.02
2011	18.60	1.12	19.72	4.88	6.10
2012	19.25	1.08	20.33	4.98	6.23
2013	19.00	1.08	20.08	4.87	6.09
2014	19.25	1.08	20.33	4.89	6.12
2015	19.40	1.11	20.51	4.90	6.12
Nguồn: Hiệp hội Công nghiệp Cà phê Brazil (ABIC)					
Chú ý: Ước tính liên quan giai đoạn tháng 11 - tháng 10					

Tiêu thụ cà phê rang xay và hòa tan nội địa Brazil - Nguồn: ABIC

Về xuất khẩu cà phê, ATO/Sao Paulo dự báo tổng xuất khẩu cà phê Brazil niên vụ 2016/17 đạt 35,23 triệu bao loại 60kg, giảm nhẹ (770.000 bao) so với niên vụ trước, do tồn kho cà phê giảm từ niên vụ 2015/16. Xuất khẩu cà phê hạt dự báo đạt 32 triệu bao trong khi xuất khẩu cà phê hòa tan dự báo đạt 3,2 triệu bao. ATO/Sao Paulo ước tính xuất khẩu cà phê niên vụ 2015/16 đạt 36 triệu bao loại 60kg, giảm nhẹ từ mức kỷ lục ở niên vụ trước (36,573 triệu bao). Trong đó, xuất khẩu cà phê hạt ước đạt 32,72 triệu bao, trong khi xuất khẩu cà phê hòa tan ước đạt 3,25 triệu bao. Đồng real giảm giá với mức trung bình 43,5% từ năm 2014 đến năm 2015 làm tăng tính cạnh tranh của cà phê Arabica của Brazil trên các thị trường quốc tế.

Về tồn kho cà phê, ATO/Sao Paulo dự báo tồn kho cà phê cuối vụ của Brazil đối với niên vụ 2016/17 ước đạt 2,53 triệu bao, tăng nhẹ so với mùa trước (2,255 triệu bao), tuy nhiên vẫn ở mức thấp lịch sử.

Vào tháng 01/2016, Chính phủ Brazil thông qua Công ty Cung ứng Quốc gia (CONAB) của Bộ Nông nghiệp, Gia súc và Cung ứng thực phẩm (MAPA) đã công bố khảo sát đầu tiên dự báo sản lượng cà phê Brazil niên vụ 2016/17, mức dự báo khoảng 49,12 – 51,94 triệu bao loại 60kg, tăng 5,89 – 8,71 triệu bao so với ước tính niên vụ 2015/16 (43,23 triệu bao gồm 32,04 triệu bao cà phê Arabica và 11,18 triệu bao cà phê Robusta). CONAB dự báo sản lượng cà phê Arabica niên vụ 2016/17 của Brazil đạt khoảng 37,73 – 39,86 triệu

bao trong khi sản lượng cà phê Robusta ước đạt khoảng 11,38 – 12,07 triệu bao.

Sau đó, ngày 25/5/2016, CONAB đã công bố khảo sát cà phê lần thứ hai cho niên vụ 2016/17, ước tính sản lượng cà phê Brazil niên vụ 2016/17 sẽ đạt 49,7 triệu bao (gồm 40,27 triệu bao cà phê Arabica), tăng nhẹ so với ước tính đầu năm nay.

Tính đến thời điểm hiện nay, biên độ dự báo sản lượng cà phê Brazil niên vụ 2016/17 từ các tổ chức uy tín dao động trong khoảng 49,13 – 58,40 triệu bao.

Tên tổ chức	Thời gian ước tính lần đầu trong năm	Ước tính sản lượng (triệu bao, 60kg)	Thời gian cập nhật	Ước tính sản lượng (triệu bao, 60kg)
CONAB	20/01/2016	49,13 – 51,94	25/5/2016	49,7 (40,27 Arabica)
Terra Forte	03/02/2016	54,17		
IBGE	04/02/2016 11/3/2016	49,7 (38,9 Arabica)	07/4/2016	50,2 (+1,0%, 39,2 Arabica)
Olam	28/02/2016	55-56		
Comexim	01/3/2016	56,25 (44,35 Arabica)		
Rabobank	09/3/2016	51,8		
Mercon	23/3/2016	58,05 (45,75 Arabica)		
Safras Mercado e	03/5/2016	58,40 (42,8 Arabica)	18/6/2016	56,40
Wolthers Douque USA	19/5/2016	55,73		
USAD	20/5/2016	55,95		

Dự báo sản lượng cà phê Brazil của các tổ chức khác nhau

Việt Nam

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) vừa phát hành dự báo về ngành cà phê Việt Nam. Theo đó, sản lượng cà phê của Việt Nam (chủ yếu là Robusta) niên vụ 2016-2017 giảm 7% xuống 27,3 triệu bao.

Nhờ nông dân nỗ lực tưới tiêu, bằng cả nguồn nước từ hồ chứa và nguồn nước ngầm, nên bất chấp khô hạn, thiệt hại của niên vụ 2016-2017 trong thời kỳ cây cà phê ra hoa và kết trái (từ tháng 1 đến đầu tháng 3) được giảm thiểu đáng kể.

Tuy nhiên, USDA cũng cho biết thêm rằng vẫn có cơ sở để hạ dự đoán về sản lượng cà phê Việt Nam - nước sản xuất Robusta lớn nhất thế giới - do thời tiết khô hạn lại xuất hiện. *"Lượng mưa trong tháng 5/2016 thấp hơn nhiều so với cùng kỳ của 5 năm qua. Thiếu mưa trong tháng 5 đang gia tăng áp lực lên cây cà phê. Nếu tình trạng này kéo dài sang tháng 6, sản lượng cà phê của Việt Nam sẽ đối mặt với nguy cơ giảm hơn nữa"*, báo cáo của USDA.

Sản lượng cà phê của Việt Nam năm nay có thể giảm tới 15% nếu thời tiết khô hạn kéo dài, USDA cho biết.

Theo dự báo trong thời gian 10 ngày (từ 1-10/6) của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, lượng mưa sẽ bằng cùng kỳ các năm trước trong khi nhiệt độ tại Đắk Lắk - tỉnh sản xuất cà phê chủ chốt, đóng góp 30% tổng sản lượng - sẽ cao hơn.

Sản lượng cà phê được dự đoán giảm xuống 27,3 triệu bao sẽ khiến xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm 2,1 triệu bao xuống 24,5 triệu trong niên vụ 2016-2017, theo Văn phòng USDA.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam đã vượt mức bình quân 5 năm qua kể từ tháng 3/2016 bất chấp lo ngại thời tiết khô hạn sẽ kéo giảm xuất khẩu.

Tháng 4, xuất khẩu cà phê đạt gần 186.000 tấn, tăng 3% so với tháng 4/2016, theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam.

Xuất khẩu tăng chủ yếu do giới thương nhân xả bán lượng cà phê lưu kho từ vụ trước, đạt kỷ lục 29,3 triệu bao.

Bên cạnh đó, thời tiết khô hạn cũng đẩy giá Robusta tăng, tạo động lực cho xuất khẩu. Giá cà phê tại Đắk Lắk đã hồi phục 70% lên khoảng 37,500 đồng/kg kể từ tháng 4/2016.

USDA ước tính lượng cà phê lưu kho của Việt Nam sẽ xuống mức thấp nhất 3 năm ở 3,48 triệu bao do sản lượng giảm vì thời tiết bất lợi.

Hiện Việt Nam và Brazil cung cấp khoảng 60% tổng sản lượng Robusta toàn cầu. Nhưng USDA báo cáo rằng sản lượng cà phê Brazil năm nay tăng mạnh.

Sự tăng mạnh này có thể bù đắp sự giảm sút sản lượng cà phê của nhiều nước khác, trong đó có Việt Nam.

Tuy nhiên, một số nhà quan sát đã phần nào bớt lo ngại về sản lượng Robusta của Việt Nam khi đã xuất hiện những cơn mưa trong tháng 4 với việc Olam International dự đoán sản lượng cà phê của Việt Nam niên vụ 2016-2017 giảm 5% so với dự đoán giảm 15% đưa ra trước đó.

Vào đầu tháng 6, Dịch vụ Nông nghiệp nước ngoài Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã công bố báo cáo thường kỳ về cà phê Việt Nam. Qua đó dự báo sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2016/17 sẽ đạt 27,3 triệu bao, giảm khoảng 7% so với niên vụ trước do điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Chi tiết về sản lượng, USDA ước tính sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2015/16 không thay đổi ở mức 29,3 triệu bao, tăng hơn 6,9% so với niên vụ trước do điều kiện thời tiết thuận lợi. USDA dự báo sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2016/17 đạt 27,3 triệu bao, giảm khoảng 7% so với niên vụ 2015/16 do điều kiện thời tiết liên tục khắc nghiệt vì ảnh hưởng El Nino và khả năng theo sau là hiện tượng La Nina.

Cơ quan này quan ngại về mức độ nghiêm trọng và ảnh hưởng thời tiết khô hạn đối với quá trình phát triển mùa vụ cà phê tại các tỉnh sản xuất chủ chốt ở Tây Nguyên gồm các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai và Lâm Đồng. Do El Nino vốn bắt đầu vào năm 2015 và tiếp diễn sang năm 2016, những tháng đầu năm 2016 ghi nhận nhiệt độ nóng nhất. Thực tế có rất ít mưa, mực nước giảm dần, nhiệt độ tăng lên và độ ẩm rất thấp tại khu vực Tây Nguyên.

Những cơn mưa đầu tiên với mật độ tương đối đã xảy ra tại Tây Nguyên ở tuần cuối tháng 4 giúp cải thiện đáng kể độ ẩm trong rẫy cà phê. Tại tỉnh Kon Tum ở phía bắc Tây Nguyên đến phía nam Tây Nguyên, lượng mưa phân bố tốt tại các vùng trồng cà phê. Lượng mưa trung bình tháng ở nửa đầu tháng 4 giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong tháng 4/2016, lượng mưa trung bình thấp hơn nhiều so với mức trung bình 10 năm qua.

Nhìn chung, hiện tại, thời tiết vẫn nóng và nắng với gió nhẹ vào ban ngày nhưng chuyển mây với mưa tương đối vào cuối chiều. Hầu hết các hồ dự trữ nước chỉ trữ được 30 - 50% so với dung tích thiết kế. Độ ẩm tương đối trung bình giảm thấp hơn 6,4% so với cùng kỳ trong 5 năm qua.

Trong niên vụ 2015/16, sản lượng cà phê tăng khoảng 7% so với niên vụ 2014/15 dù vẫn có điều kiện thời tiết khô hạn. Trong niên vụ 2016/17, dù lượng mưa hạn chế, thời tiết khô ráo, có gió và nắng trong quá trình cà phê ra hoa và kết hạt quan trọng (từ tháng 1 đến đầu tháng 3/2016) tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển hoa và kết hạt cà phê. Ở nơi lượng mưa rất thấp, người nông dân vẫn tiếp cận đủ nguồn nước ngầm và nước mặt để tưới cho các nông trường cà phê trong giai đoạn tháng 2 - 3 quan trọng.

Theo giới quan sát cà phê, dù khô hạn, thiệt hại đối với mùa vụ cà phê 2016/17 trong giai đoạn ra hoa và kết hạt ở mức tối thiểu. Ở một số vùng nơi người nông dân chỉ dựa vào mưa và nước mặt từ các dòng suối thì thời tiết khô hạn gây ra một số thiệt hại. Cây cà phê ở vùng khô hạn chỉ nhận được một hoặc hai lần tưới nước trong năm 2016, không đủ để duy trì quá trình ra hoa và hình thành hạt cà phê.

Vào nửa đầu tháng 5, hầu hết các vùng cà phê nhận lượng mưa từ nhẹ đến lớn. Điều này không chỉ mang lại thời tiết dịu mát mà còn giúp cải thiện độ ẩm đất và giúp người nông dân sử dụng phân bón cho cây cà phê. Tuy nhiên, lượng mưa trong nửa đầu tháng 5 thấp hơn nhiều so với cùng kỳ 5 năm trước. Việc thiếu mưa trong tháng 5 gây sức ép lên cây cà phê. Các mô hình dự báo hiện tại cho thấy lượng mưa sẽ giảm mạnh và thời tiết sẽ khô nóng trở lại vào cuối tháng 5. Nếu tình trạng thiếu mưa tiếp tục trong tháng 6 thì mùa vụ cà phê sẽ đối mặt với thiệt hại thêm nữa.

Khả năng cao xảy ra hiện tượng La Nina vào tháng 8 - tháng 10/2016 sẽ mang đến nhiều mưa cho các vùng trồng cà phê. Tuy nhiên, thời điểm mưa đến có thể không có lợi cho chu kỳ phát triển cây cà phê. Mưa quá nhiều không tạo thuận lợi khi độ ẩm không khí cao sẽ hạn chế độ chắc của rễ, giảm mức độ quang hợp và dẫn đến tình trạng rụng hạt cà phê. Trong số 4 vùng sản xuất cà phê Arabica chính tại Việt Nam: Lâm Đồng, Quảng Trị, Điện Biên, Sơn La thì Lâm Đồng (tỉnh sản xuất cà phê Arabica lớn nhất Việt Nam với 16.000 ha) có thể là vùng chịu ảnh hưởng duy nhất bởi điều kiện hạn hán. Tuy nhiên, USDA ước tính sản lượng cà phê Arabica sẽ nhận thiệt hại ít hơn do giai đoạn ra hoa sớm hơn một tháng so với cà phê Robusta. Ước tính niên vụ 2016/17 thiệt hại khoảng 4,5% tổng diện tích cà phê Arabica so với niên vụ 2015/16.

Province	Approximate Coffee Area in MY2014/15	Approximate Coffee Area in MY2015/16	Approximate Coffee Area in 2016/17 (old)	Approximate Coffee Area in 2016/17 (new)
Dak Lak	209,760	209,000		210,000
Lam Dong	151,565	154,000		155,000
Dak Nong	131,895	126,000		128,000
Gia Lai	83,168	80,000		82,000
Dong Nai	20,800	21,000		21,000
Binh Phuoc	15,646	16,000		16,000
Kontum	12,390	14,000		14,000
Son La	10,650	12,000		12,000
Ba Ria - Vung Tau	15,000	15,000		15,000
Quang Tri	5,050	5,050		5,000
Dien Bien	3,385	4,500		4,500
Others	5,700	5,700		5,700
Total	665,009	662,250		668,200

Sources: Provincial DARDs, MARD, Local exporters, Local traders.

USDA ước tính diện tích cà phê Việt Nam tính theo tỉnh

Trong niên vụ 2016/17, USDA ước tính sản lượng cà phê giảm 7% so với niên vụ 2015/16. Tuy nhiên đáng chú ý là nếu hiện tượng La Nina thành hiện thực trong nửa sau năm 2016 và ảnh hưởng đến Tây Nguyên thì mức độ giảm sản lượng có thể lớn hơn. USDA ước tính tổng diện tích cà phê trong niên vụ 2015/16 khoảng 662.250 ha và dự báo niên vụ 2016/17 khoảng 668.200 ha. Trong vòng 5 năm qua sản xuất cà phê đối diện với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ sản xuất tiêu đen do thu nhập từ sản xuất tiêu trên mỗi hecta cao hơn cà phê. Gần đây, tăng trưởng diện tích trồng tiêu biến động ngang. Các nhà phân tích cho rằng các nhà sản xuất cà phê đang trồng số lượng nhỏ cây tiêu đen trên đất canh tác của mình để bổ sung thu nhập. Khi có thu nhập cao hơn, người trồng cà phê có thể dự trữ cà phê lâu hơn để kỳ vọng giá tăng.

Province	Coffee crop			Black pepper crop		
	Planted area	Production	Total Crop Value	Planted area	Production	Total Crop Value
Dak Lak	209,000			16,000		
Lam Dong	154,000					
Dak Nong	126,000			14,500		
Gia Lai	80,000			14,000		
Dong Nai	21,000			10,000		
Binh Phuoc	16,000			25,000		
Kontum	14,000					
Son La	12,000					
Ba Ria - Vung Tau	15,000					
Quang Tri	5,050			3,600		
Dien Bien	4,500					
Others	5,700			2,500		
Total	662,250	1,758,000	2,570	85,600	126,000	1,260

Sources: Provincial DARDs, MARD, Local exporters, Local traders.

So sánh sản xuất cà phê và tiêu đen của Việt Nam trong niên vụ 2015/16

Về tiêu thụ, USDA điều chỉnh ước tính tiêu thụ cà phê rang xay và nghiền trong nước với mức 2,25 triệu bao cho niên vụ 2015/16 và 2,5 triệu bao cho niên vụ 2016/17, do sự mở rộng tiếp tục của các cửa tiệm và cửa hàng cà phê. Một số sản phẩm cà phê địa phương mới sử dụng cà phê rang xay: cà phê gói lọc, cà phê collagen dành cho phụ nữ và cà phê sầu riêng hay cà phê nhân sâm được giới thiệu ở thị trường để thỏa mãn sự ưa thích và nhu cầu của người tiêu dùng.

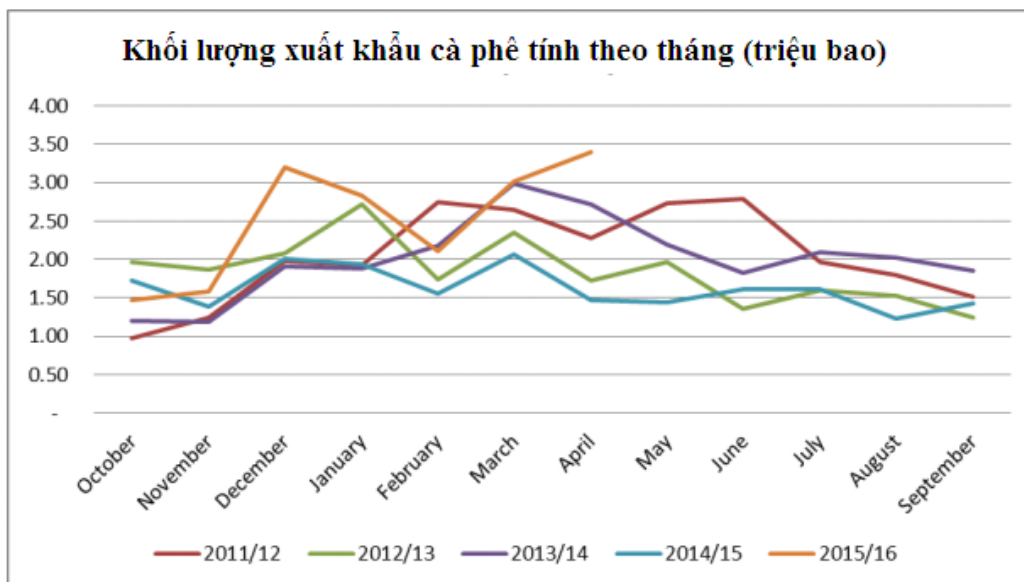
Đối với cà phê hòa tan, theo Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam (Vicofa), tổng năng suất cà phê hòa tan mục tiêu của Việt Nam khoảng 2,67 triệu bao. Tuy nhiên, sản lượng thực tế chỉ đạt khoảng 50% năng suất. Căn cứ nhu cầu mạnh về sản phẩm cà phê hòa tan trong nước và nhu cầu xuất khẩu đang tăng, USDA ước tính tiêu thụ cà phê hòa tan đạt khoảng 350.000 bao trong niên vụ 2015/16 và 370.000 bao trong niên vụ 2016/17.

Theo Euromonitor, sự có mặt phổ biến của các chuỗi cà phê chuyên nghiệp cho phép người tiêu dùng dễ dàng tiếp cận thức uống cà phê mới chất lượng cao với giá cả phải chăng. Người tiêu dùng cũng có thể dễ dàng chuẩn bị cà phê uống liền để sử dụng ở văn phòng làm việc hoặc ở nhà. Tiêu thụ cà phê nội địa dự báo tiếp tục tăng trưởng, phản ánh sự mở rộng các cửa hiệu cà phê bán lẻ và sự phát triển mạnh mẽ của các ngành phụ phẩm bán lẻ khác phục vụ cà phê ở Việt Nam. Ngành bán lẻ cà phê mở rộng sẽ góp phần giúp tiêu thụ cà phê mạnh mẽ hơn trong tương lai gần.

Về thương mại cà phê, USDA điều chỉnh ước tính xuất khẩu cà phê Việt Nam niên vụ 2014/15 gồm cà phê hạt, cà phê rang xay và nghiền, cà phê hòa tan giảm từ mức 26,43 triệu bao xuống 21,53 triệu bao chủ yếu do xuất khẩu cà phê hạt giảm. Đối với niên vụ 2015/16, USDA ước tính tổng xuất khẩu cà phê đạt 28,07 triệu bao, tăng gần 31% so với niên vụ trước do cà phê Robusta hạt của Việt Nam nổi lên trở thành nguồn cung cà phê lớn và xuất khẩu cà phê hòa tan và rang xay tăng.

Theo dữ liệu thương mại, trong nửa đầu niên vụ 2015/16, Việt Nam xuất khẩu khoảng 14,11 triệu bao cà phê hạt, tăng khoảng 25% so với 6 tháng đầu niên vụ 2014/15. Theo giới thương nhân, tình hình cà phê Conilon của Brazil cùng với mức phí vận chuyển đường biển từ Việt Nam sang EU giảm thấp bất ngờ đã thúc đẩy xuất khẩu cà phê Robusta của Việt Nam trong nửa đầu niên vụ 2015/16. Việt Nam đã xuất khẩu hơn 203.000 tấn (hơn 3,38 triệu bao) cà phê trong tháng 4, tăng 13% so với tháng trước, theo Tổng cục Thống kê, đây

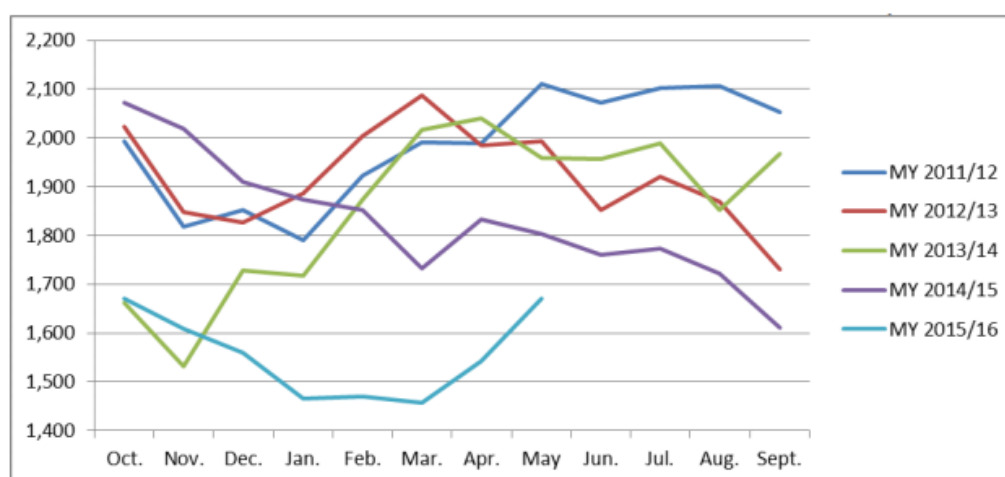
là mức xuất khẩu tháng kỷ lục. Lũy kế xuất khẩu cà phê 7 tháng đầu niên vụ 2015/16 của Việt Nam đạt khoảng 17,62 triệu bao, tăng 25% so với cùng kỳ niên vụ trước. USDA duy trì ước tính xuất khẩu cà phê rang xay, nghiền và cà phê hòa tan trong niên vụ 2015/16 ở mức 550.000 bao cho cà phê rang xay và 1,5 triệu bao cho cà phê hòa tan tính tương đương cà phê hạt. USDA dự báo khối lượng tương tự đối với niên vụ 2016/17 do tăng trưởng các ngành này ít biến động.



Nguồn cung cà phê Việt Nam - Nguồn: USDA

Việt Nam tiếp tục nhập khẩu lượng nhỏ cà phê hạt cũng như cà phê rang xay và hòa tan từ các nước như Lào, Indonesia, Brazil, Bờ Biển Ngà và Mỹ. Nhập khẩu cà phê rang xay/nghiên của Việt Nam từ Mỹ tăng trong 2 năm qua do ngành cà phê bán lẻ mở rộng. Các nhãn hiệu Mỹ như Starbucks, McCafé và Dunkin Donuts đã thiết lập hoạt động tại Việt Nam trong những năm gần đây. Theo số liệu từ Global Trade Atlas (GTA), tổng nhập khẩu cà phê trong niên vụ 2015/16 của Việt Nam ước đạt 630.000 bao tương đương cà phê hạt, trong đó có khoảng 160.000 bao cà phê hòa tan, 20.000 bao cà phê rang xay và nghiền tính tương đương cà phê hạt và 450.000 bao cà phê hạt. USDA dự báo tổng nhập khẩu cà phê niên vụ 2016/17 của Việt Nam đạt 640.000 bao.

Về giá cà phê Việt Nam, giá xuất khẩu hàng tháng đối với cà phê Robusta chưa phân cấp phổ thông trong niên vụ 2015/16 (giá FOB HCMC) giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 3/2016. Giá tăng trong tháng 3 do tình hình hạn hán tại Việt Nam và Brazil.



Sources: Daktip, Vicofa, BCEC, and Local Exporters

Diễn biến giá cà phê Robusta qua các niên vụ

Giá cà phê Robusta nội địa Việt Nam chưa phân cấp phổ thông trong 8 tháng đầu niên vụ 2015/16 giảm xuống mức rất thấp là 32.000 đồng/kg tại Lâm Đồng vào tháng 1/2016 so với mức 39.600 đồng/kg ở cùng kỳ năm ngoái. Giá chạm đáy trong tháng 2 và tháng 3 rồi phục hồi ổn định trong tháng 4 - tháng 5 do thông tin thu hoạch cà phê không thuận lợi tại Brazil và tình hình hạn hán tại các vùng cà phê ở Việt Nam.

Common coffee beans (VND/kg)	Oct. 2015	Nov. 2015	Dec. 2015	Jan. 2016	Feb. 2016	Mar. 2016	Apr. 2016	May 2016
Dak Lak	35,700	40,616	39,718	32,200	31,300	31,400	33,900	36,400
Lam Dong	35,000	40,200	39,200	32,000	31,000	31,000	33,200	36,000
Gia Lai	35,500	40,400	39,500	32,100	31,100	31,100	33,300	36,500
Dak Nong	35,800	40,500	39,600	32,300	31,000	31,100	33,500	36,500
Common coffee beans (VND/kg)	Oct. 2014	Nov. 2014	Dec. 2014	Jan. 2015	Feb. 2015	Mar. 2015	Apr. 2015	May 2015
Dak Lak	40,750	40,616	39,718	40,403	39,850	38,050	39,200	36,900
Lam Dong	39,785	39,911	39,250	39,600	39,406	37,355	38,400	37,200
Gia Lai	40,931	40,674	39,809	40,200	39,775	38,295	39,200	37,400
Dak Nong	40,792	40,774	39,927	40,271	39,781	38,010	39,300	37,300

Source: Vicofa, Buon Ma Thuot Coffee Exchange Center (BCEC), Daktip and Local exporters.

Exchange rate: US\$1 = VND 21,620 as of April 8, 2015 (Source: Vietcombank)

Giá cà phê Robusta nội địa tại các tỉnh sản xuất cà phê chính

Về tồn kho cà phê, không có số liệu chính thức về tồn kho cà phê Việt Nam, USDA ước tính tồn kho cà phê cuối vụ 2015/16 khoảng 4,99 triệu bao, tức giảm khoảng 21,66% so với tồn kho cuối vụ 2014/15 do khối lượng xuất khẩu tăng. USDA dự báo tồn kho cà phê cuối vụ 2016/17 khoảng 3,48 triệu

bao, do sản lượng cà phê giảm do thời tiết khô hạn và dự báo xuất khẩu cà phê giảm nhẹ.

Colombia

Vào ngày 13/5/2016, USDA công bố điều chỉnh ước tính sản lượng cà phê Colombia đạt 13,6 triệu bao trong niên vụ 2015/16, tăng so với ước tính 13,4 triệu bao ở kỳ trước.

Sản xuất cà phê vẫn tăng trưởng mạnh do hiện tượng El Nino ảnh hưởng ở mức độ nhẹ. Dự báo sản lượng cà phê Colombia sẽ giảm trong niên vụ 2016/17 xuống 13,3 triệu bao do hiện tượng La Niña có thể gây ra mưa bão, lũ lụt trong giai đoạn thu hoạch cà phê vụ giữa năm (vụ cà phê Mitaca từ tháng 4 đến tháng 6/2017).

Cho dù mô hình thời tiết có ảnh hưởng tối thiểu đối với sản xuất cà phê, người trồng cà phê và các quan chức Chính phủ Colombia vẫn thận trọng về ảnh hưởng từ hiện tượng El Niño đến giai đoạn thu hoạch cà phê vụ Mitaca và triển vọng mưa lớn vào cuối năm 2016 do La Niña gây ra.

Hiện tượng thời tiết La Niña được dự báo trở thành hiện thực vào cuối năm 2016 và nửa đầu năm 2017 có thể ảnh hưởng đến giai đoạn ra hoa đối với vụ cà phê Mitaca 2016/17. Điều kiện ẩm ướt dễ dẫn đến dịch nấm gỉ sét lá cà phê nhưng mối đe dọa đó sẽ được loại trừ nhờ chương trình tái canh cà phê chủng loại cây cà phê có sức kháng bệnh gỉ sét lá tốt.

Tại Colombia có hai giai đoạn thu hoạch cà phê trong năm. Giai đoạn thu hoạch chính từ tháng 10 đến tháng 12, sản xuất gần 60% tổng sản lượng cà phê Colombia. Giai đoạn thứ hai từ tháng 4 đến tháng 6, tức vụ cà phê Mitaca, chủ yếu tại miền trung Colombia.

Sản lượng cà phê Colombia hiện nay vượt mức trung bình lịch sử 13 triệu bao, cho thấy bước ngoặt giải quyết hoàn toàn ảnh hưởng dịch nấm gỉ sét lá từ năm 2008 – 2012.

USDA ước tính tiêu thụ cà phê tại Colombia vẫn không thay đổi trong niên vụ 2015/16 và niên vụ 2016/17 ở mức 1,4 triệu bao. Xuất khẩu cà phê Colombia trong niên vụ 2016/17 sẽ không thay đổi ở mức 12,3 triệu bao.

Xuất khẩu cà phê của Colombia tăng trưởng mạnh kể từ năm 2013, tương xứng với đà phục hồi sản lượng cà phê. Mỹ là thị trường tiêu thụ cà phê

Colombia chủ yếu, khi nhập khẩu 43% cà phê xuất khẩu của Colombia. Các nước nhập khẩu khác: Nhật Bản (11%), Đức (8%), Bỉ (8%) và Canada (4%).

Về tồn kho, USDA ước tính tồn kho cà phê đầu niên vụ 2015/16 của Colombia đạt 536.000 bao. Trong niên vụ 2016/17, tồn kho cà phê đầu vụ sẽ tăng lên 671.000 bao, tồn kho cà phê cuối vụ sẽ giảm xuống 491.000 bao do không có chính sách hoặc cơ sở hạ tầng để duy trì tồn kho cà phê trong dài hạn. Ngoài ra, tồn kho giảm còn do dự báo sản lượng cà phê Colombia giảm và đồng peso của Colombia giảm giá kích thích xuất khẩu.

Coffee, Green	2014/2015		2015/2016		2016/2017	
	Market year begin: Oct-14		Market year begin: Oct-15		Market year begin: Oct-16	
	USDA Official	New Post	USDA Official	New Post	USDA Official	New Post
Colombia						
Area Planted	780	780	780	780		780
Area Harvested	640	640	640	640		640
Bearing Trees	2900	2900	2900	2900		3000
Non-Bearing Trees	1070	1070	1070	1070		970
Total Tree Population	3970	3970	3970	3970		3970
Beginning Stocks	961	966	866	536		671
Arabica Production	13300	13300	13400	13600		13300
Robusta Production	0	0	0	0		0
Other Production	0	0	0	0		0
Total Production	13300	13300	13400	13600		13300
Bean Imports	160	200	175	200		200
Roast & Ground Imports	0	0	0	0		0
Soluble Imports	85	50	75	50		50
Total Imports	245	250	250	250		250
Total Supply	14506	14516	14516	14386		14221
Bean Exports	11350	11693	11500	11430		11450
Rst-Grnd Exp.	90	75	80	80		80
Soluble Exports	685	800	650	800		800
Total Exports	12125	12568	12230	12310		12330
Rst, Ground Dom. Consum	1215	1105	1050	1105		1150
Soluble Dom. Consum	300	300	300	300		250
Domestic Use	1515	1412	1350	1405		1400
Ending Stocks	866	536	936	671		491
Total Distribution	14506	14516	14516	14386		14221
1000 Ha, Million Trees, 1000 60Kg Bags.						

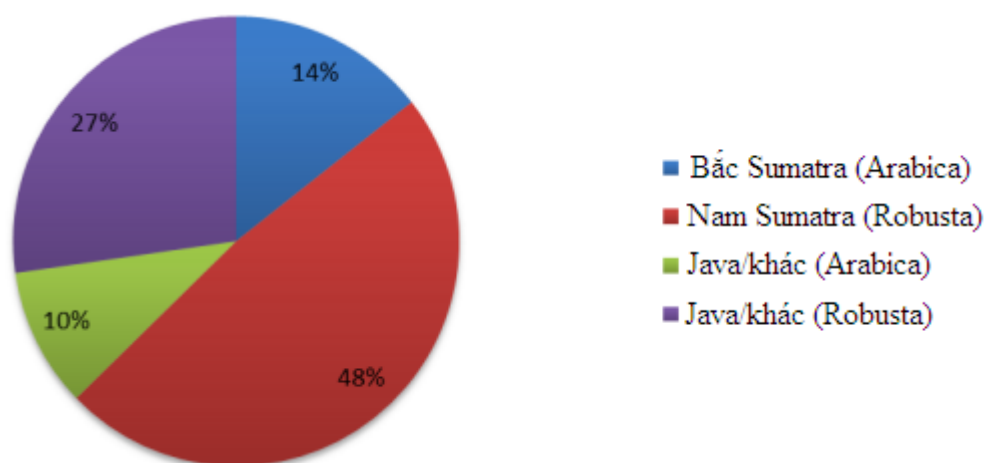
Tình hình sản xuất cà phê tại Colombia

Indonesia

Theo báo cáo ngày 12/5/2016 của USDA, Indonesia đã trải qua hiện tượng El Nino nghiêm trọng trong niên vụ 2015/16, dẫn đến hạn hán trên phần lớn quần đảo này.

Thời tiết khô hạn gây gián đoạn quá trình ra hoa và chín hạt cà phê tại Indonesia, do đó kỳ vọng sản lượng cà phê nước này sẽ giảm trong niên vụ 2016/17.

Thời tiết khô hạn diễn ra tại các vùng thấp như Nam Sumatra và Java, nơi gần 75% cà phê Robusta của Indonesia được trồng. Người trồng cà phê và giới thương nhân kỳ vọng sản lượng cà phê Robusta của Indonesia sẽ giảm gần 15%. Sản xuất cà phê Arabica chủ yếu diễn ra ở Bắc Sumatra, hầu như không chịu ảnh hưởng bởi El Nino.



Sản xuất cà phê Indonesia theo chủng loại và khu vực

Nguồn: Bộ Nông nghiệp Indonesia năm 2014

USDA kỳ vọng sản lượng cà phê Indonesia trong niên vụ 2016/17 sẽ giảm khoảng 15% ước đạt 10 triệu bao loại 60 kg, đồng thời nâng ước tính sản lượng cà phê niên vụ 2015/16 lên 11,75 triệu bao do người trồng cà phê báo cáo sản lượng cà phê trong năm ngoái tăng do điều kiện thời tiết thuận lợi.

Ấn Độ

Ngày 11/5/2016, USDA phát hành báo cáo thường kỳ cà phê hàng năm tại Ấn độ, dự báo sản lượng cà phê niên vụ 2016/17 của Ấn Độ ước đạt 5,17 triệu bao (310.180 tấn). Sản lượng cà phê niên vụ 2016/17 có thể thấp hơn niên vụ 2015/16 do điều kiện phát triển của hoa cà phê kém và đợt mưa nuôi hoa (tháng 3 - tháng 4) ảnh hưởng cả về diện tích thu hái và số lượng cây cho trái.

Mưa nuôi hoa là cực kỳ quan trọng cho việc đậu trái nhưng lượng mưa trong các tháng 2 và 3 cộng với thiếu nước tưới đã ảnh hưởng đến đậu trái của cả cà phê Arabica lẫn Robusta.

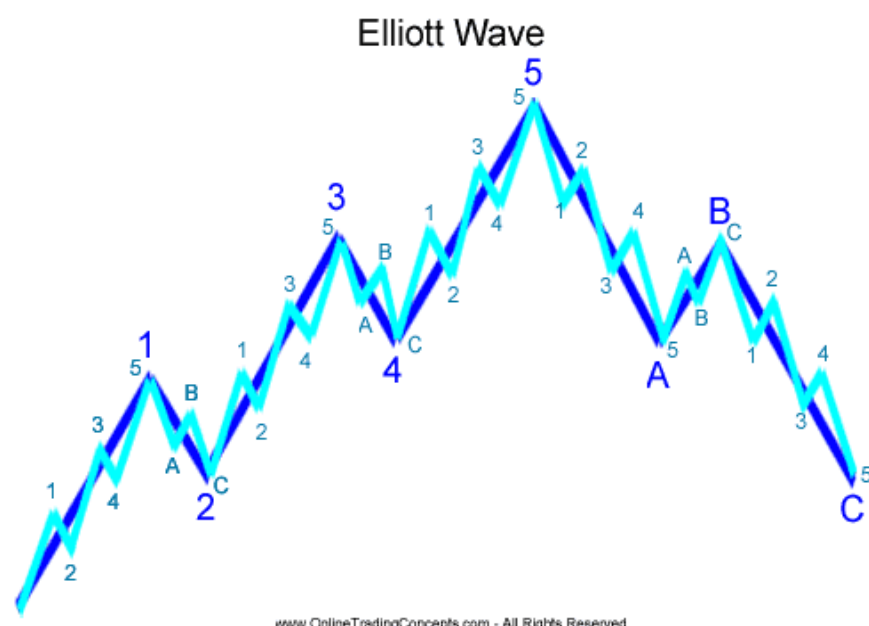
Coffee, Green	2014/2015		2015/2016		2016/2017	
Market Begin Year	Oct 2014		Oct 2015		Oct 2016	
India	USDA Official	New Post	USDA Official	New Post	USDA Official	New Post
Area Planted	412	423	410	410	-	408
Area Harvested	372	386	370	370	-	365
Bearing Trees	553	556	541	541	-	532
Non-Bearing Trees	79	82	91	91	-	100
Total Tree Population	632	638	632	632	-	632
Beginning Stocks	2,026	2,026	2,691	2,586	-	2,677
Arabica Production	1,630	1,633	1,490	1,490	-	1,417
Robusta Production	3,810	3,817	3,810	3,810	-	3,753
Other Production	-	-	-	-	-	-
Total Production	5,440	5,450	5,300	5,300	-	5,170
Bean Imports	1,080	1,157	1,000	1,000	-	1,008
Roast & Ground Imports	3	2	3	3	-	2
Soluble Imports	42	45	38	38	-	40
Total Imports	1,125	1,204	1,041	1,041	-	1,050
Total Supply	8,591	8,680	9,032	8,927	-	8,897
Bean Exports	3,200	3,358	3,500	3,500	-	3,577
Rst-Grnd Exp.	4	11	3	5	-	7
Soluble Exports	1,496	1,525	1,497	1,495	-	1,466
Total Exports	4,700	4,894	5,000	5,000	-	5,050
Rst,Ground Dom. Consum	770	770	650	650	-	667
Soluble Dom. Cons.	430	430	600	600	-	600
Domestic Consumption	1,200	1,200	1,250	1,250	-	1,267
Ending Stocks	2,691	2,586	2,782	2,677	-	2,580
Total Distribution	8,591	8,680	9,032	8,927	-	8,897
(1000 HA), (MILLION TREES), (1000 60 KG BAGS)						

Tình hình sản xuất và tiêu thụ nội địa cà phê tại Ấn Độ

Sản lượng cà phê Ấn độ niên vụ 2015/16 dự kiến không đổi ở mức 5,3 triệu bao. Con số này nhỏ hơn dự báo của Ủy ban Cà phê Ấn Độ sau mùa mưa là trong khung từ 5,9 đến 5,83 triệu bao vào tháng 12/2015.

Trong suốt mùa mưa đông bắc (tháng 10-12), các vùng cà phê nhận lượng mưa trên trung bình, đặc biệt trong tháng 12, cà phê gặp phải một đợt dịch bệnh khiến trái non rụng nhiều làm giảm sản lượng.

Chương IV: Dự báo giá cà phê theo phân tích kỹ thuật



Nguyên lý sóng Elliott

Từ năm 2001, giá cà phê bắt đầu tăng với 5 sóng 1 – 2 – 3 – 4 – 5, đạt đỉnh vào năm 2011 và sau đó, thoái lui với 3 sóng A – B – C từ năm 2011 đến cuối tháng 2/2016.



Từ đầu tháng 3/2016, giá cà phê đã tăng mạnh mẽ và đây là sóng đầu tiên của một chu kỳ lớn mới hoàn toàn của giá cà phê trong 15 năm tới.

Dự báo, sóng tăng từ mức quanh 1300 USD/tấn lên 1864 USD/tấn (lấy giá kỳ hạn tháng 9/2016) đã hoàn thành pha 1 của sóng I. Sóng 2 đã và đang hình thành với mục tiêu dự kiến trong khu vực 1450 – 1650 vào nửa cuối tháng 9/2016. Sau đó, giá cà phê sẽ tiếp tục gia tăng mạnh mẽ.



Dự báo trên, căn cứ vào nhiều phương pháp phân tích kỹ thuật khác nhau nhưng chỉ giản lược theo phác đồ của Nguyên lý Elliott. Dự báo này chỉ có giá trị tham khảo và có thể được điều chỉnh theo diễn biến của giá cà phê hàng tuần.

Diễn biến của biến đổi khí hậu, quyết định lãi suất của Fed và biến động của tỷ giá USDBRL có thể dẫn dắt giá cà phê biến đổi theo mô hình khác.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng truy cập: www.123chienluoc.com

PHẦN 2:

CÁC THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ ĐÁNG QUAN TÂM

Chương I. Các xu hướng mới của thị trường cà phê Châu Âu

1.1 Giới thiệu

Ngành cà phê chuyển dịch từ thị trường “xô” là chủ yếu sang một thị trường ngày càng đặc trưng bởi yêu cầu về chất lượng và tính bền vững. Ngành còn có đặc trưng là ngày càng quan tâm đến biến đổi khí hậu, yêu cầu bền vững ở các thị trường đại trà và nhu cầu mới của người tiêu dùng.

1.2 Làn sóng thứ 3: trải nghiệm uống cà phê

“Làn sóng cà phê thứ 3” muốn nói đến phong trào hiện nay đối với sản xuất cà phê chất lượng cao và quảng bá cà phê như là một sản phẩm thủ công hơn là hàng hóa sản xuất hàng loạt. Một số xu hướng hiện nay gắn với “làn sóng thứ 3” gồm:

- **Tính cá thể hóa trong tiêu dùng cà phê.** Những hình thức phục vụ riêng từng người với sự đa dạng về mùi vị đang ngày càng trở nên phổ biến ở Châu Âu. Cà phê Capsule hiện đang chiếm khoảng 15% thị trường cà phê (P&A Coffee Newsletter, 2014). Capsule giúp người tiêu dùng dễ dàng thuận tiện uống cà phê chất lượng cao hoặc rất cao vào bất cứ lúc nào trong suốt cả ngày. Siêu thị bán rất nhiều loại cà phê (bao gồm capsule và các loại cà phê một nguồn gốc) để phục vụ cho sở thích, kỳ vọng (bao gồm cả tính bền vững) và nhu cầu thuận tiện của khách hàng. Các nhà rang xay cà phê đại trà cũng đang phát triển các sản phẩm mang tính cá thể cao hơn cho khách hàng của họ. Xu hướng này cho phép tạo sự khác biệt về giá. Các nhà xuất khẩu cũng cần phải chú ý đến phân khúc của thị trường ngày càng tăng này dựa trên nhu cầu riêng biệt của từng cá nhân người tiêu dùng.
- Tăng nhu cầu **cà phê đặc biệt**. Tính cá thể hóa của cà phê làm tăng nhu cầu cà phê đặc biệt. Mặc dù phần lớn người tiêu dùng Châu Âu tiếp tục mua cà phê đại trà rẻ tiền, số người muốn trả giá cao hơn cho cà phê

chất lượng cao ngày càng tăng, từ đó làm tăng giá trị của các hạng chất lượng đặc biệt, và nâng cao tầm quan trọng của nguồn gốc xuất xứ. Các quốc gia sản xuất cà phê (như Ethiopia, Indonesia và Guatemala) đưa ra các hệ thống phân hạng cấp quốc gia, dùng để mô tả những chất lượng cao cấp nhất. Ngoài ra, cà phê đặc biệt luôn được sự ủng hộ của các hiệp hội quốc gia, cũng như của các chiến lược tạo thương hiệu và xúc tiến thương mại quy mô lớn. Một số vấn đề khác (như bảo hộ nguồn gốc xuất xứ) cũng ngày càng rất quan trọng khi tìm kiếm cơ hội gia nhập phân khúc cà phê đặc biệt.

- Cà phê đặc biệt thường có điểm thử nếm trên 85 (xem SCAA Reference) và thường được sản xuất theo từng lô hàng siêu nhỏ. Sự quan tâm ngày càng tăng đến cà phê đặc biệt được phản ánh qua sự ra đời hàng loạt của các quán bar cà phê, các nhà rang xay nhỏ, các thương hiệu và các người pha chế chuyên nghiệp quy mô nhỏ mang tính địa phương, tất cả những điều kể trên là đặc trưng của làn sóng thứ 3. ***Sự phức tạp tinh tế ngày càng tăng của các cửa hiệu và kiểu pha chế cà phê*** dẫn đến các công thức phối trộn ngày càng đặc hiệu, điều đó có quan hệ chặt chẽ với nguồn gốc xuất xứ của cà phê đặc biệt, kết hợp với hình thức bên ngoài cũng như mùi thơm. Đi theo xu hướng này của người tiêu dùng, các nhà xuất khẩu ở các nước đang phát triển đang sử dụng ngày càng nhiều các câu chuyện và thương hiệu để tiếp thị sản phẩm của mình. Các ví dụ điển hình như Jamaican Blue Mountain, Hawaii Kona, Top Kenya AA và Guatemalan Antiguas.
- ***Lô hàng siêu nhỏ:*** Thị trường cà phê đặc biệt cũng dẫn đến sự gia tăng hiện tượng “lô hàng siêu nhỏ”, dành để phục vụ cho thị trường ngách rất đặc thù. Với Cup of Excellence là ví dụ điển hình nhất, các lô hàng siêu nhỏ cho phép mua bán trực tiếp giữa những nhà rang xay nhỏ với người sản xuất nhỏ, nhờ đó mở ra cơ hội hấp dẫn cho cà phê chất lượng cao và có giá trị gia tăng.
- ***Cà phê nhân, chưa rang.*** Thương mại cà phê nhân ở cấp độ người tiêu dùng cũng đang gia tăng ở Châu Âu. Mặc dù hiện nay thị phần này còn rất nhỏ bé, nhưng đây là xu hướng đi cùng với việc hướng đến rang xay tại nhà/tại chỗ, nhất là trong bối cảnh gia tăng tiêu thụ cà phê đặc biệt như hiện nay. Hầu hết việc mua bán thông qua internet, với kích thước bao bì đóng gói cỡ nhỏ, và thường gắn với những nhà môi giới

bán máy rang xay cà phê (như Bella Baristas, Bonaverde, và De Groene Boon).

1.3 Nhu cầu cà phê có đạo đức

Sự quan tâm ngày càng tăng đối với *nguồn hàng bền vững* đã làm gia tăng mạnh nhu cầu thực phẩm và nước uống có chứng nhận, có tác động mạnh mẽ lên thị trường cà phê. *Sự phù hợp với các tiêu chuẩn bền vững* dần dần trở nên một yêu cầu khi gia nhập thị trường đối với một số phân khúc cà phê ở Châu Âu. Sản lượng và doanh số của cà phê sản xuất bền vững tiếp tục tăng với tốc độ nhanh, nhanh hơn nhiều so với cà phê thông thường. Bên cạnh các nhãn hiệu của thị trường ngách (như Fairtrade & hữu cơ), có nhiều chương trình khác xuất hiện tập trung vào các sản phẩm dòng đại trà. Các nhãn dòng đại trà phổ biến nhất bao gồm 4C, UTZ Certified, Rainforest Alliance, ngoài ra còn có một số nhãn của công ty như C.A.F.E. và Nespresso AAA.

Sản lượng cà phê hợp chuẩn chiếm 40% sản lượng toàn cầu vào năm 2012 (tăng 15% so với 2008). Vào năm 2011/12, Brazil và Việt Nam là những nước sản xuất khối lượng cà phê hợp chuẩn nhiều nhất (IISD, 2014). Các nhãn có tốc độ tăng trưởng nhanh là UTZ Certified (giai đoạn 2008-2012 tăng trưởng 26%/năm) và Rainforest Alliance (giai đoạn 2008-2012 tăng 30%/năm). Hi vọng rằng nông dân và nhà xuất khẩu có chứng nhận được trang bị thêm khả năng, công cụ đàm phán để có thu nhập cao hơn, nhờ vào hiệu quả gia tăng và những lợi thế bên trong mà các chương trình chứng nhận mang lại, làm cho họ gia tăng vị thế trong chuỗi cung ứng. Nhưng dù sao chăng nữa, sự dư thừa nguồn cung có thể dẫn đến thị trường bão hòa và lợi ích của người sản xuất bị giảm, vì trong đa số trường hợp cà phê có chứng nhận khó kiếm được giá tăng thêm.

Sự minh bạch & mua bán trực tiếp. Từng người tiêu dùng cà phê cũng như toàn ngành công nghiệp cà phê ngày càng yêu cầu về khả năng truy nguyên trong chuỗi giá trị. Động lực của yêu cầu này xuất phát từ sự an toàn và sức khỏe của người tiêu dùng cũng như các quan tâm về xã hội và môi trường và tình hình giá cả đang chịu áp lực suy giảm. Sự minh bạch dễ dàng đạt được thông qua quan hệ mua bán trực tiếp, điều này cũng làm giảm chi phí cho những chuỗi bán lẻ lớn. Mua bán trực tiếp đang tăng cực kỳ nhanh ở Bắc Âu.

1.4 Đổi mới xuất phát từ nhu cầu cà phê chất lượng cao

Đổi mới để cải thiện chất lượng và giảm chi phí kinh tế và môi trường. Những đổi mới nhỏ trong lĩnh vực nông học cùng với quản lý trang trại tốt hơn có thể giúp cải tiến quản lý cây trồng, tăng sản lượng và/hoặc năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Sự nhấn mạnh về chất lượng trên thị trường Châu Âu đã làm gia tăng tầm quan trọng của kỹ thuật canh tác, thu hoạch, chọn lựa sàng lọc, chế biến và phối trộn. Phát triển những giống kháng và giống năng suất cao thông qua cải tiến bộ gen cây cà phê là một công cụ quan trọng (nghĩa là để có thể duy trì sản lượng và giảm việc sử dụng nông hóa học).

Biến đổi khí hậu: Đất thích hợp cho cà phê ít đi. Hạn hán kéo dài, nhiệt độ lên cao và mưa lớn có thể làm cho không thể dự đoán được sản lượng thu hoạch. Ước tính đến 2020 diện tích thích hợp cho canh tác cà phê sẽ giảm đáng kể. Có 02 ví dụ về biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng lên sản lượng là hạn hán nặng ở Brazil năm 2014 và sự bùng phát bệnh gỉ sắt ở Colombia niên vụ 2011/12. Những thay đổi nhanh chóng đáng lưu ý về độ thích hợp của đất cho việc trồng cà phê đang có những ảnh hưởng tiêu cực (Coffee Barometer, 2014). Mặc dù có ý nghĩa quan trọng trong dài hạn và đã có một vài sáng kiến trong lĩnh vực này, nhìn chung thị trường vẫn chưa có phản ứng khẩn cấp về phía sản xuất cũng như phía tiêu thụ khi mà nguồn cung hiện vẫn đáp ứng đủ nhu cầu.

1.5 Giá cà phê: Những ảnh hưởng của thị trường toàn cầu

Giá cả rất thất thường và lợi nhuận lâu dài của người sản xuất nhỏ đang suy giảm. Các nguyên nhân của sự thất thường về giá phần nhiều mang tính hệ thống: Đầu cơ giá, thời tiết không thuận lợi và biến đổi khí hậu. Chưa bao giờ mà giá cà phê trên thị trường lại chịu ảnh hưởng nhiều của sự đầu cơ như là vào năm 2014. Những nguyên nhân quan trọng gồm sự thiếu chắc chắn xung quanh dự đoán thiệt hại sản lượng của Brazil, kết hợp với sự thất thường về giá luôn được đẩy lên cao hơn (ICO Monthly Coffee Report 5/2014; Coffee Market Report 5/2014). Bên cạnh đó, sản xuất dư thừa và sản lượng toàn cầu ngày càng tăng đang góp phần vào sự suy giảm lợi nhuận đang xảy ra trong ngành cà phê, nhất là ảnh hưởng mạnh lên lợi nhuận của nông dân. Những nỗ lực quốc tế (như của ICO) nhằm bảo đảm mối quan hệ ổn định hơn và có thể dự đoán được giữa cung và cầu vẫn chưa đạt được

thành công khi đối phó với sự rất thất thường về giá cả đang thường xuyên xảy ra.

Cuộc chiến về giá của các siêu thị có thể ảnh hưởng lên giá cà phê. Cuộc chiến về giá giữa các siêu thị trở nên khốc liệt trong những năm gần đây. Quá trình này ngày càng trở nên phổ biến, khi mà khu vực bán lẻ cũng đang trải qua hàng loạt cuộc sát nhập và thôn tóm (như là Ahold và Delhaize). Khi mà các sản phẩm có chứng nhận tham gia vào dòng đại trà thì sẽ xảy ra nguy cơ giá trả thêm cho nông dân sản xuất nhỏ sẽ bị các siêu thị cắt mất dần. Tuy nhiên siêu thị cũng đồng thời tạo cho cà phê có một nền tảng tiêu dùng lớn, do đó cũng là đầu ra hấp dẫn cho người sản xuất cà phê.

1.6 Quan hệ thương mại giữa EU và các nước đang phát triển đang thay đổi

Thuế nhập khẩu mới. Vào tháng 01/2014, Hệ thống ưu đãi chung EU (GSP) sẽ có những thay đổi quan trọng. Hệ thống này đem lại ưu đãi thuế nhập khẩu cho một số sản phẩm của một số nước đang phát triển. Riêng đối với thị trường cà phê thì cà phê từ Brazil không còn được hưởng ưu đãi về thuế nữa. Điều này có nghĩa là hiện nay việc nhập khẩu một số sản phẩm từ Brazil sẽ đắt đỏ hơn. Về thuế nhập khẩu thực tế đối với cà phê sản xuất từ Brazil thì xin xem trên trang web EU Export Helpdesk. Thuế suất có khác nhau giữa cà phê rang, chưa rang, khử cà phê in và không khử cà phê in.

Các hiệp ước đối tác ngày càng quan trọng hơn. Nhiều nước sản xuất cà phê có hiệp ước đối tác với EU. Ví dụ, trong hiệp ước Cotonou giữa ACP-EU, thì EU đang hỗ trợ các quốc gia ACP ở Tây Phi thông qua đối thoại chính trị, hỗ trợ phát triển, hợp tác kinh tế và thương mại (bao gồm giảm thuế). Tác động thực tế cho các nhà xuất khẩu ở các nước đang phát triển có thể tìm hiểu thông qua các tài liệu hướng dẫn (như hướng dẫn của chính phủ Anh HM Revenue).

Chương II. Thị trường Lào

Cà phê được trồng tại Lào kể từ đầu những năm 1900. Sản xuất cà phê tại Lào được phân bố chủ yếu ở miền nam. Chủ yếu là Arabica, còn cà phê Robusta được trồng ở các khu vực có độ cao 1000 trên mực nước biển. Diện tích cà phê mít (excelsa) khá nhỏ. Sản xuất cà phê tại Lào áp dụng phương pháp canh tác hữu cơ.

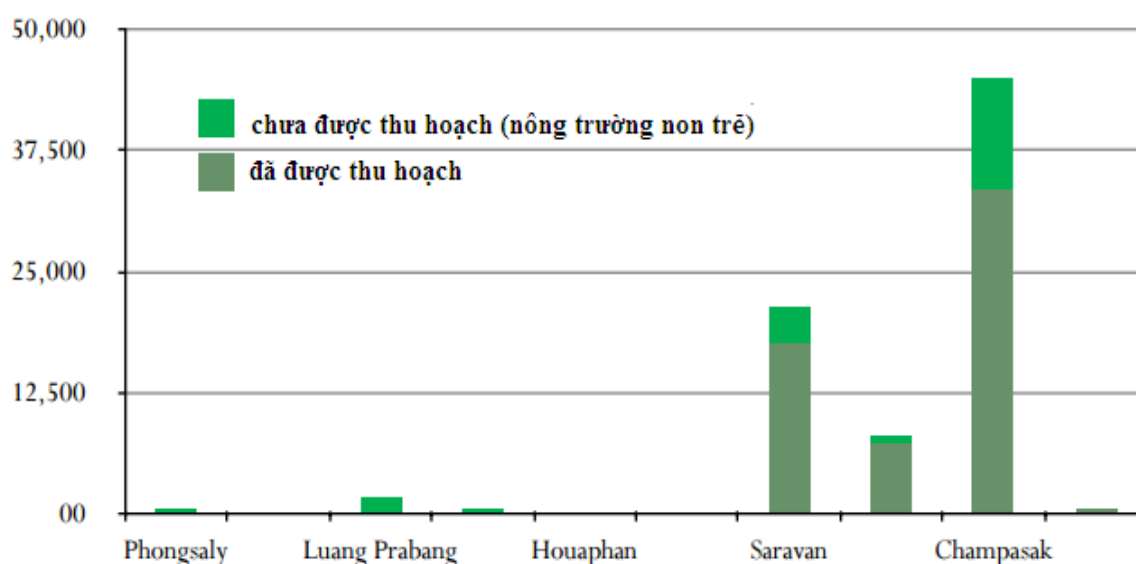
2.1 Diện tích trồng cà phê tại Lào

Trong vài năm trở lại đây, nhờ đầu tư trong nước và quốc tế đối với ngành cà phê nên nhu cầu và giá cà phê tại Lào cũng tăng dần. Từ đó, sản xuất cà phê đã được mở rộng đến những khu vực mới và thay thế diện tích cà phê già cỗi bằng chủng loại cà phê có năng suất cao hơn. Hiện tại Lào có khoảng 78.000 ha diện tích trồng cà phê, chủ yếu tập trung ở Cao nguyên Boloven, vốn được biết là trung tâm lịch sử và truyền thống cà phê Lào. Sản xuất cà phê tại khu vực này tập trung ở huyện Pakxong ở tỉnh Champasak, huyện Thaténg ở tỉnh Sekong và huyện Laongam ở tỉnh Saravan. Vào năm 2011, các nông trường cà phê tại 3 huyện này có tổng diện tích hơn 70.000 ha, chiếm khoảng 95% tổng diện tích cà phê ở Lào. Các hộ nông dân quy mô nhỏ và vừa chiếm đến 80% tổng số nhà sản xuất cà phê tại nước này.

Trong những năm gần đây có hai xu thế lớn ở ngành cà phê tại Cao nguyên Boloven, đó là:

- Các nông trường cà phê Robusta được trồng lại và thay thế bằng cà phê Arabica bởi các hộ quy mô nhỏ;
- Các nông trường cà phê công nghiệp quy mô lớn phát triển đáng kể (chủ yếu là cà phê Arabica).

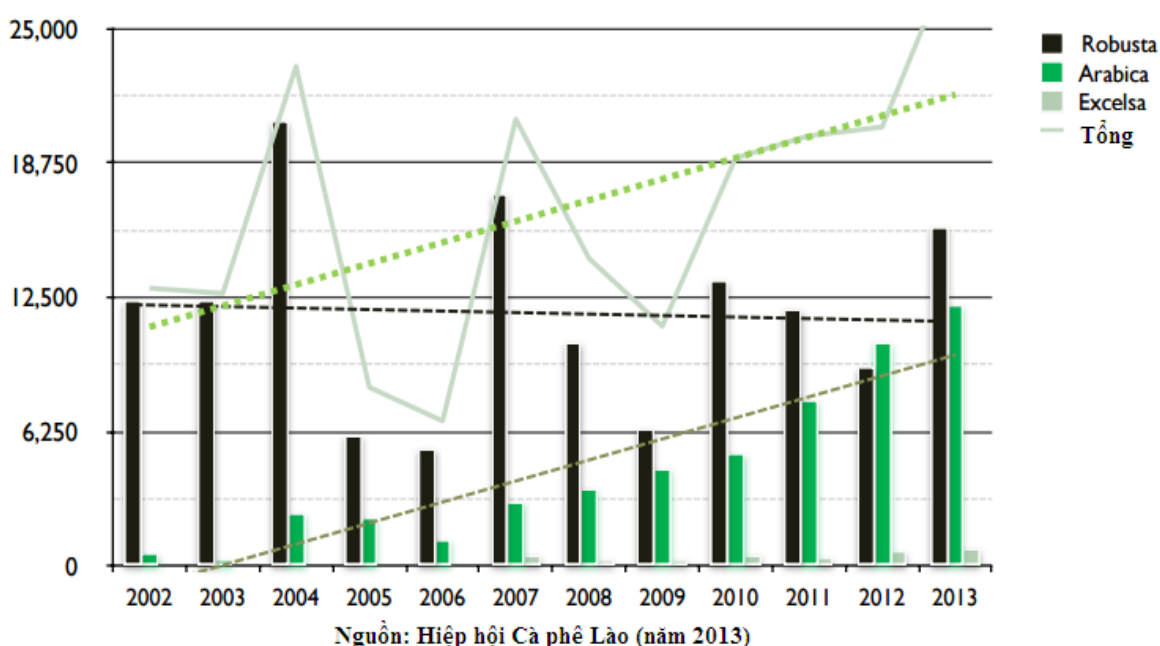
Ngoài ra, sản xuất cà phê cũng đã được mở rộng ở phía bắc Lào, tại các tỉnh Phongsaly, Xieng Khouang, Luang Prabang và Houaphan (diện tích vẫn còn ở mức thấp).



Nguồn: Sở Nông Lâm nghiệp các tỉnh liên quan

2.2 Sản lượng và xuất khẩu cà phê Lào

Trong vòng 10 năm qua, ước tính tổng khối lượng cà phê hạt xuất khẩu của Lào đạt khoảng 11.000 – 30.000 tấn, chiếm 0,4% thị phần cà phê thế giới. Sản lượng cà phê Robusta giảm do loại cà phê này nhạy cảm với điều kiện khí hậu tại nước này. Tuy nhiên tổng khối lượng cà phê xuất khẩu (tính cả Arabica và Robusta) có xu thế tiếp tục tăng. Theo số liệu xuất khẩu năm 2011 từ Hiệp hội Cà phê Lào (LCA), kim ngạch xuất khẩu cà phê của Lào đạt 63 triệu USD.



Nguồn: Hiệp hội Cà phê Lào (năm 2013)

Cà phê của Lào được xuất khẩu chủ yếu sang Châu Âu, một số nước Châu Á và Châu Mỹ.

2.3 Chiến lược phát triển ngành cà phê tại Lào (tầm nhìn đến năm 2050)

Chiến lược phát triển ngành cà phê tại Lào tập trung vào các mục tiêu chính sau đây:

- Phát triển sản xuất (diện tích, năng suất và sản lượng)

Sản xuất cà phê tại Lào đặt mục tiêu mở rộng diện tích khoảng 28.000 ha trước năm 2017 sau đó tăng thêm 130.000 ha vào năm 2025. Mục tiêu này bao gồm việc trồng lại các nông trường cà phê già cỗi khiến năng suất cà phê giảm đáng kể. Đặc biệt chú trọng mở rộng diện tích trồng cà phê tại Cao nguyên Boloven. Các vùng khác cũng được xem xét nếu có điều kiện trồng cà phê thích hợp và đảm bảo chất lượng cà phê.

Người trồng cà phê sẽ nhận được hỗ trợ về kỹ thuật, kiến thức quảng bá cà phê và đảm bảo chứng nhận chất lượng cà phê. Cơ quan chức năng tìm kiếm nguồn đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các chuyên gia cà phê.

- Cung cấp các cơ chế tín dụng ưu đãi với các khoản vay lãi suất thấp và linh hoạt cho người trồng cà phê.
- Cải thiện chất lượng và thị trường nhằm tăng giá trị và lợi nhuận:

Cố gắng hạn chế độ nhạy và dễ bị tổn thương của sản xuất cà phê Lào với biến động giá cà phê thế giới bằng cách thúc đẩy hai mức độ chất lượng cà phê nhằm đáp ứng tiêu chuẩn cà phê chất lượng trung bình quốc tế phù hợp khi chế biến cà phê hòa tan và tăng 20% hoặc hơn về thị phần cà phê chất lượng cao của Lào.

- Xúc tiến cà phê chất lượng của Lào ra thị trường nội địa và quốc tế:

Để đạt mục tiêu này cần phát triển chiến dịch marketing, chiến dịch PR làm nổi bật những đặc điểm của cà phê Lào; tham gia vào các hội chợ cà phê quốc tế đối với nhãn hiệu cà phê Boloven; tổ chức marketing trong nước để người dân Lào hiểu được sản phẩm cà phê của nước mình; đồng thời lồng ghép vào hoạt động du lịch bằng các tour du lịch đến các nông trường cà phê tại Cao nguyên Boloven hoặc xây dựng các trung tâm triển lãm, các gian hàng cà phê tại các trung tâm du lịch với các thức uống cà phê miễn phí và thông tin quảng bá về thủ tục sản xuất cà phê khi hợp tác với ngành du lịch.

- Đảm bảo quyền sử dụng đất, quy hoạch đất và kế hoạch sử dụng đất của nhà sản xuất cà phê.
- Cải thiện môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh và giảm chi phí sản xuất.
- Tăng cường năng lực của các thể chế và tổ chức ngành cà phê.

2.4 Cơ quan đại diện ngành cà phê Lào

- Hiệp hội Cà phê Lào (gồm các doanh nghiệp cà phê với 39 nhà xuất khẩu/kinh doanh, 6 nhà rang xay, 5 nhà sản xuất/nhóm sản xuất).
- Ủy ban Cà phê Quốc gia Lào (bộ phận công)/ Ban Cà phê Lào (bộ phận tư).
- 123 nhóm nhà sản xuất/nông dân tại 7 huyện ở các tỉnh phía nam tương đương khoảng 40.000 hộ gia đình.

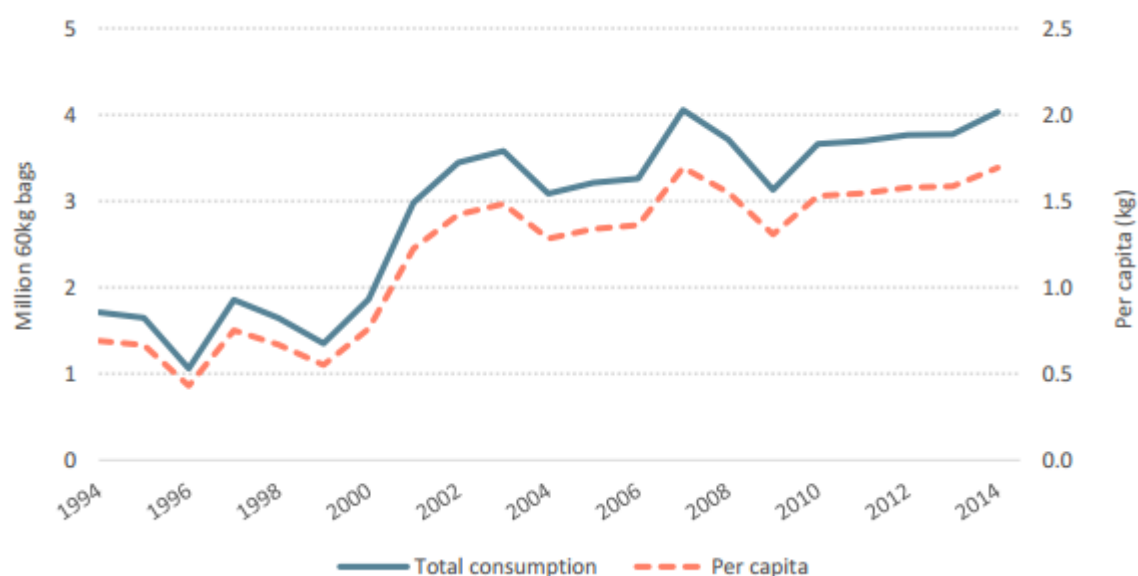
Chương III. Thị trường Nga

Thị trường cà phê tại Nga đang phát triển đáng kể trong 12 năm qua. Hiện nay Nga là nước tiêu thụ cà phê lớn thứ 8 thế giới và một trong những thị trường tiêu thụ lớn nhất cho cà phê hòa tan. Vào năm 2014, Nga nhập khẩu 4,7 triệu bao cà phê loại 60kg, trong đó có hơn 700.000 bao được tái xuất khẩu sang các nước láng giềng. Thị trường nội địa tại Nga chịu sự chi phối bởi các công ty giải khát cà phê hòa tan nhưng sự mở rộng các chuỗi cà phê quốc tế cùng với các cửa hàng trong nước đang thúc đẩy nhu cầu cà phê mới từ nước này. Tuy nhiên, Nga vẫn là nước tiêu thụ trà truyền thống, chiếm gần 2/3 thị trường nước uống nóng.

3.1 Tiêu thụ cà phê tại Nga

Tiêu thụ cà phê tại Nga chỉ đạt hơn 4 triệu bao trong năm 2014, nhiều hơn gấp đôi so với năm 2000. Phần lớn tăng trưởng tiêu thụ xảy ra trong giai đoạn 10 năm giữa 1998 và 2007, khi đó tỷ lệ tăng trưởng hàng năm vượt 10%, rơi vào thời kỳ phát triển kinh tế đáng kể của nước Nga. Tăng trưởng thị trường cà phê Nga đã chậm lại kể từ đó nhưng vẫn duy trì tỷ lệ ổn định 2,4% hàng năm trong vòng 5 năm qua. Giá trị thị trường tăng nhanh, theo ước tính của Hiệp hội các nhà sản xuất trà và cà phê Nga (Rusteacoffee) vào khoảng 2,5 tỷ USD vào năm 2011, tăng từ mức 750 triệu USD vào năm 2001.

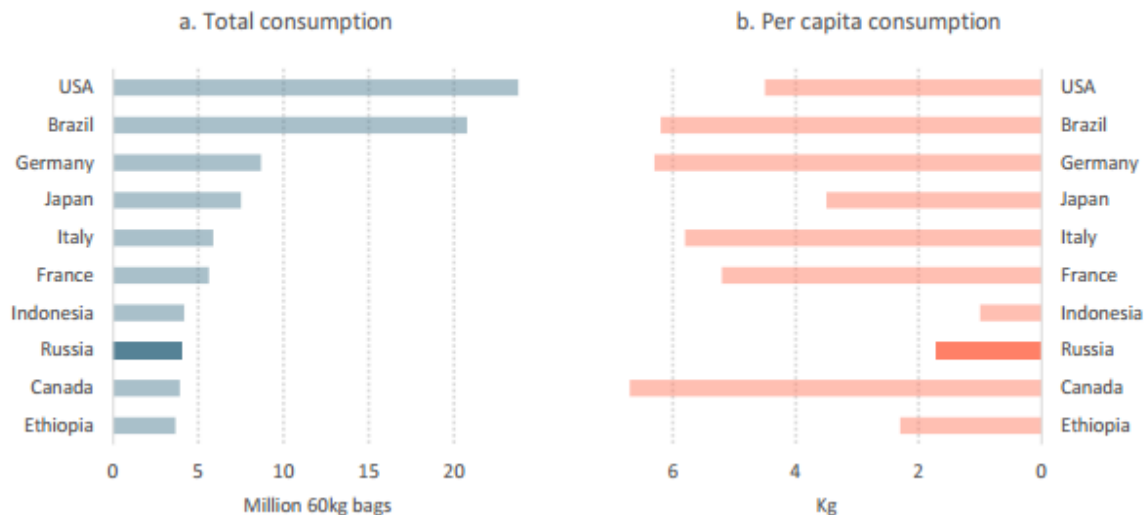
Hình 1: Tiêu thụ cà phê tại Nga (1994-2014)



Với dân số khoảng 143 triệu người, tiêu thụ cà phê bình quân đầu người của Nga đạt 1,7 kg/người/năm, tăng gấp đôi so với năm 2000. Tính trên phương

diện toàn cầu, đây là con số tương đối khiêm tốn, tương đương khoảng 120 tách cà phê/người/năm. Hình số 2 cho thấy mức tiêu thụ cà phê năm 2014 của Nga so với các nước tiêu thụ lớn khác.

Hình 2: Tiêu thụ cà phê tại top 10 nước tiêu dùng (năm 2014)

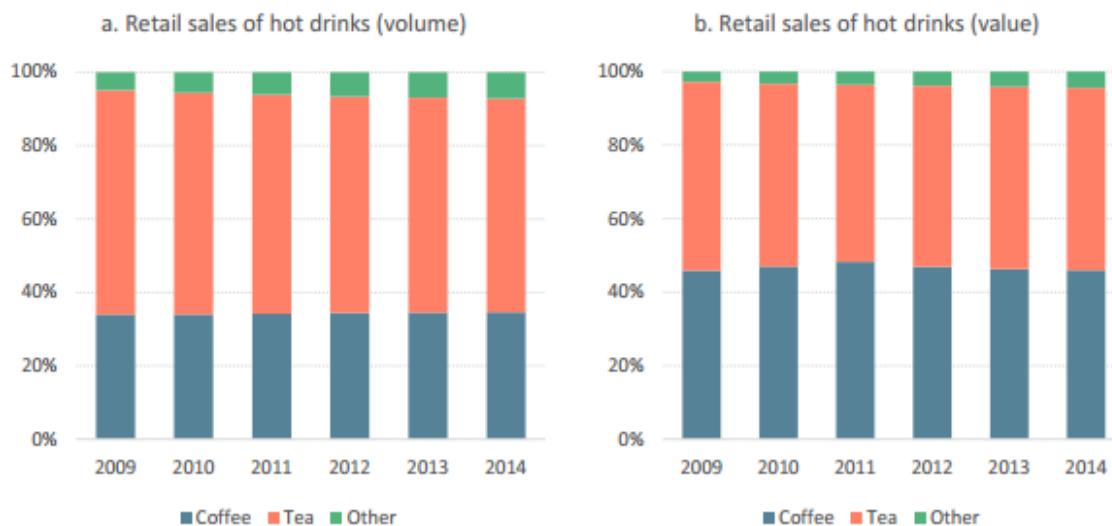


3.2 Cơ cấu thị trường

Dù tiêu thụ cà phê đang tăng trong những năm gần đây, thị trường nước uống nóng của Nga vẫn chịu sự chi phối bởi trà. Theo thông tin từ công ty nghiên cứu thị trường Euromonitor International, cà phê chỉ chiếm hơn 1/3 doanh số bán lẻ của Nga theo khối lượng, tăng lên 46% tính về kim ngạch (Hình số 3). Thị phần cà phê tăng lên khiêm tốn trong vài năm qua, nhưng triển vọng tăng trưởng thêm được đánh giá ở mức hạn chế.

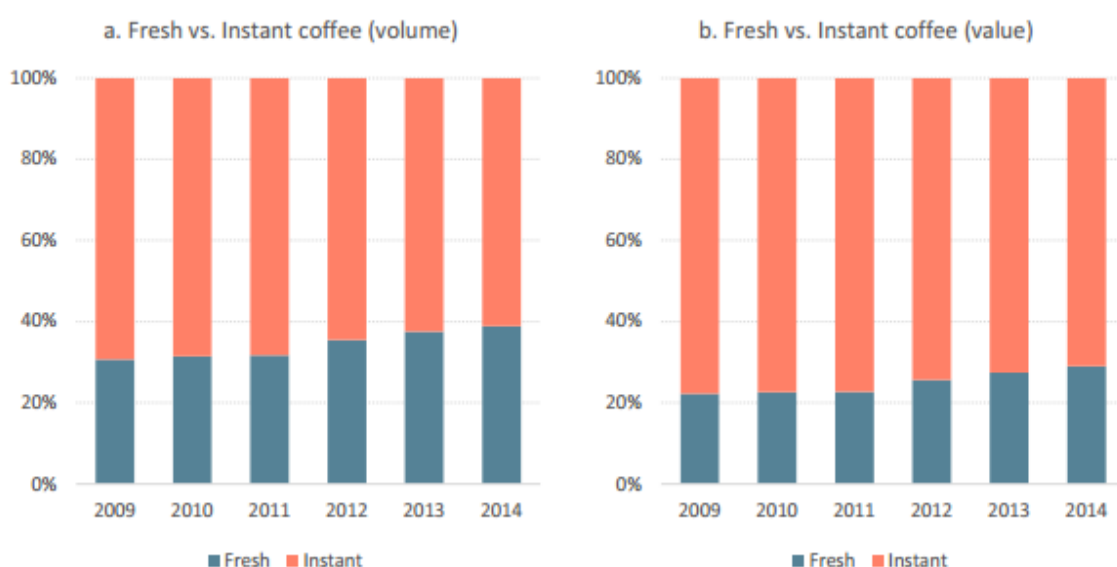
Hình 3: Thị trường nước uống nóng tại Nga

Figure 3: The Russian hot drinks market



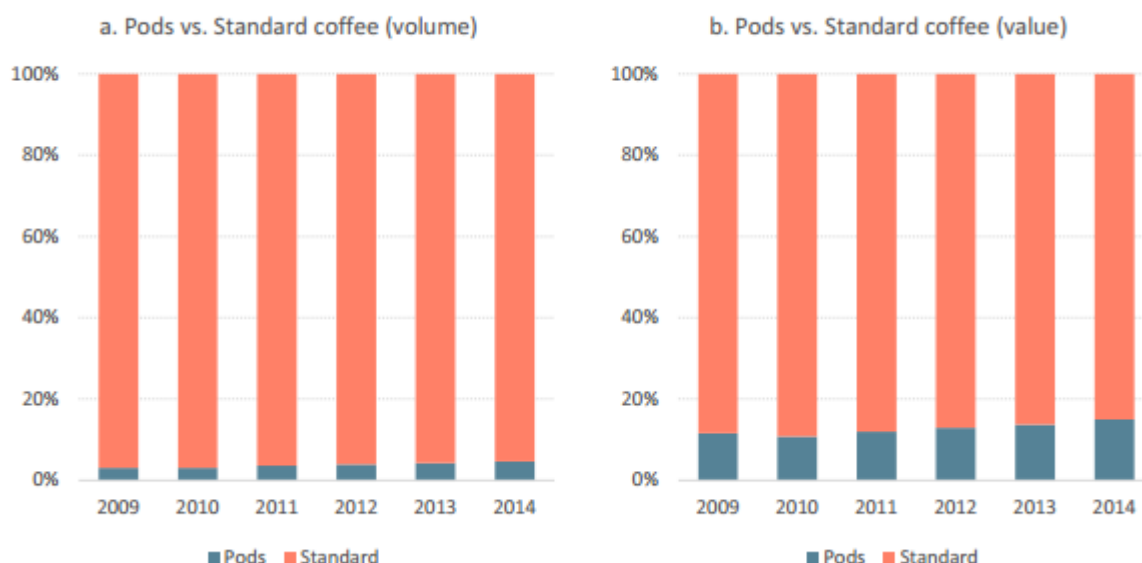
Tính riêng ngành cà phê, thị trường Nga cho thấy sự ưa thích mạnh mẽ đối với cà phê hòa tan uống liền nhiều hơn so với cà phê bột và cà phê sạch. Điều này cũng thường thấy đối với các nước có truyền thống uống trà; việc pha cà phê uống liền cũng tương tự như pha trà (chỉ cần thêm nước nóng) giúp cho việc tiêu thụ cà phê hòa tan dễ dàng như trà vậy. Khi thị trường trưởng thành, người tiêu dùng có khuynh hướng chuyển đổi sang cà phê sạch chất lượng cao, theo như Hình số 4. Theo Euromonitor, cà phê sạch chiếm 39% doanh số bán lẻ của Nga tính theo khối lượng vào năm 2014, tăng từ mức 31% vào năm 2009. Cà phê sạch hiện nay là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng tiêu thụ cà phê tại Nga.

Hình 4: Doanh số bán lẻ cà phê tính theo loại hình (sạch và hòa tan)



Một sự phát triển thêm gần đây là sự xuất hiện của hộp cà phê tự phục vụ. Đây là một thành phần nhỏ trong toàn bộ thị trường, nhưng đang phát triển nhanh chóng, đặc biệt về kim ngạch. Trong 6 năm qua, tiêu thụ loại hình hộp cà phê tự phục vụ tại Nga tăng gấp đôi với tỷ lệ trung bình 20%/năm, tính đến nay là thành phần thị trường cà phê mạnh nhất. Vào năm 2014, tiêu thụ hộp cà phê tự phục vụ chiếm 2,8% doanh số bán lẻ cà phê sạch tính theo khối lượng và 9,4% tính theo kim ngạch. (Hình số 5).

Hình 5: Doanh số bán lẻ cà phê sạch theo thành phần

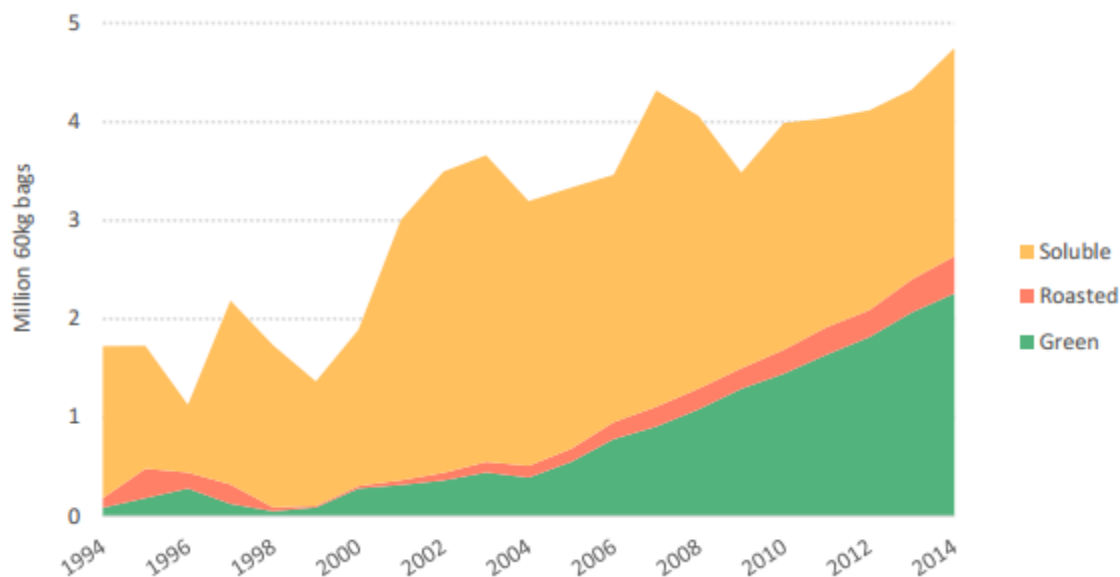


3.3 Thương mại quốc tế

Tổng khối lượng nhập khẩu và tái xuất khẩu cà phê của Nga đang tăng nhanh trong 20 năm qua. Nhìn chung, nhập khẩu cà phê của Nga đạt 4,7 triệu bao vào năm 2014, tăng trưởng với tỷ lệ 5,2%/năm kể từ năm 1994. Tăng trưởng chậm lại kể từ đó với mức trung bình 4,4%/năm kể từ năm 2010. Điều đó giúp Nga trở thành nước nhập khẩu cà phê lớn thứ 8 thế giới, sau Mỹ, Đức, Nhật Bản, Ý, Bỉ, Tây Ban Nha và Canada.

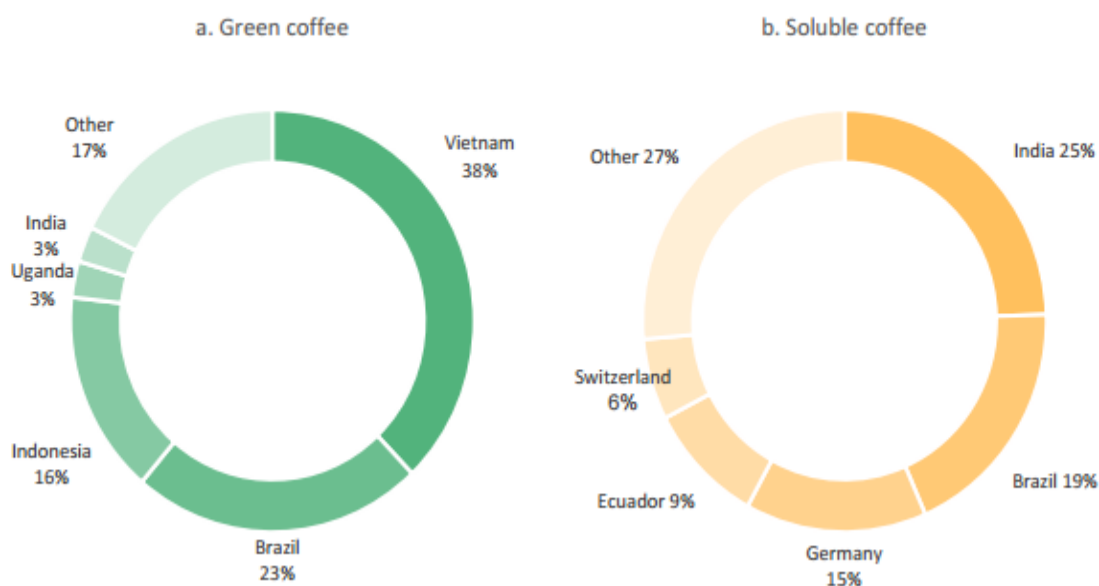
Hãy quan sát thống kê nhập khẩu cà phê của Nga từ năm 1994, có thể thấy rằng thị trường này từ lâu chịu sự chi phối bởi nhập khẩu cà phê hòa tan, nhưng cà phê hạt, chưa chế biến cũng đã tăng đáng kể trong 10 năm qua. Vào năm 1994, nhập khẩu cà phê hòa tan chiếm gần 90% tổng nhập khẩu cà phê của Nga nhưng đã giảm xuống mức 44% vào năm 2014, thấp hơn nhập khẩu cà phê hạt ở mức 48%. Hiện nay Nga nhập khẩu đáng kể cà phê hạt sau đó được chế biến chủ yếu thành cà phê hòa tan, bên cạnh cà phê rang xay cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và cũng để tái xuất khẩu cho các nước láng giềng.

Hình 6: Nhập khẩu cà phê theo hình thức (1994 - 2014)



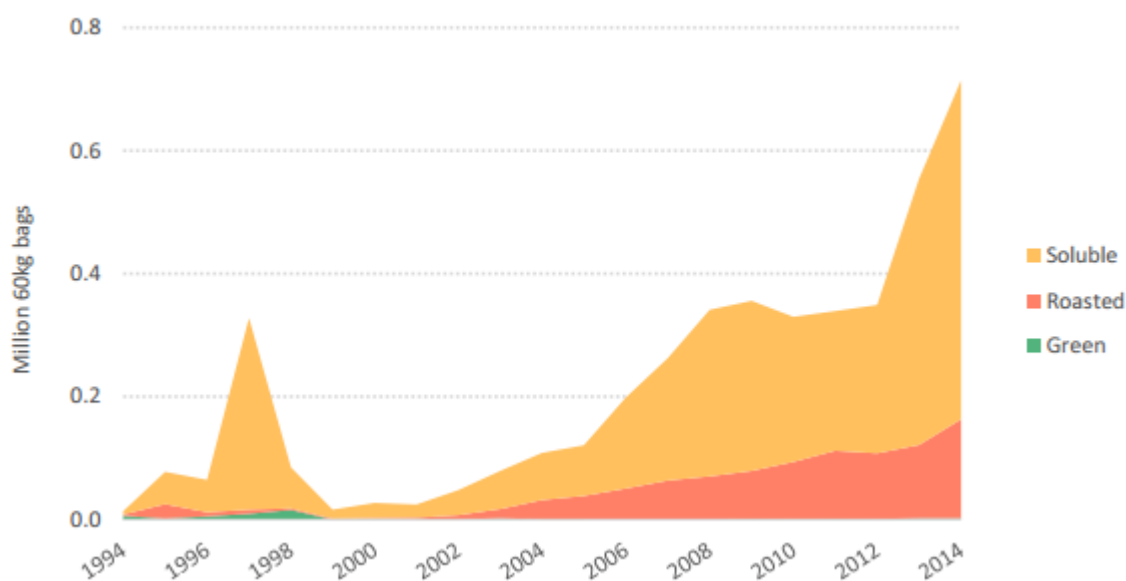
Như có thể thấy ở Hình số 7, hơn một nửa nhập khẩu cà phê hạt của Nga bắt nguồn từ hai nước: Việt Nam và Brazil. Hơn nữa, đa số nhập khẩu cà phê của Nga từ các nước sản xuất cà phê robusta chủ chốt (dù cà phê từ Brazil có thể là cà phê arabica hoặc robusta). Điều này tương ứng với thông tin cho rằng thị trường Nga chủ yếu bao gồm cà phê hòa tan uống liền, nói chung được chế biến từ cà phê robusta. Về phương diện nhập khẩu cà phê hòa tan, có sự phân chia giữa các nước sản xuất bao gồm các nước phát triển như Ấn Độ, Brazil và Ecuador và các nước nhập khẩu là các nước tái xuất khẩu cà phê đã chế biến với quy mô lớn như Đức và Thụy Sĩ.

Hình 7: Nhập khẩu cà phê theo xuất xứ (trung bình giai đoạn: 2010 - 2014)



Như đề cập ở trên, Nga cũng đang phát triển ngành chế biến cà phê nội địa tương đối tiên tiến trong 10 năm qua. Hình số 8 dưới đây cho thấy tái xuất khẩu cà phê của Nga kể từ năm 1994, đạt mức cao nhất 714.000 bao vào năm 2014, tăng từ mức hầu như không đáng kể vào những năm 1990. Số liệu tái xuất khẩu này hoàn toàn bao gồm cả phê rang xay đã chế biến (23% trong năm 2014) và cả phê hòa tan (77%). Về điểm đến xuất khẩu, hơn một nửa cà phê được xuất khẩu sang Ucraina (trung bình 58% giữa năm 2010 - 2014), phần còn lại phân chia giữa các nước khác trong khu vực như Belarus (7%), Uzbekistan (5%), Georgia, Kazakhstan và Turkmenistan (4%).

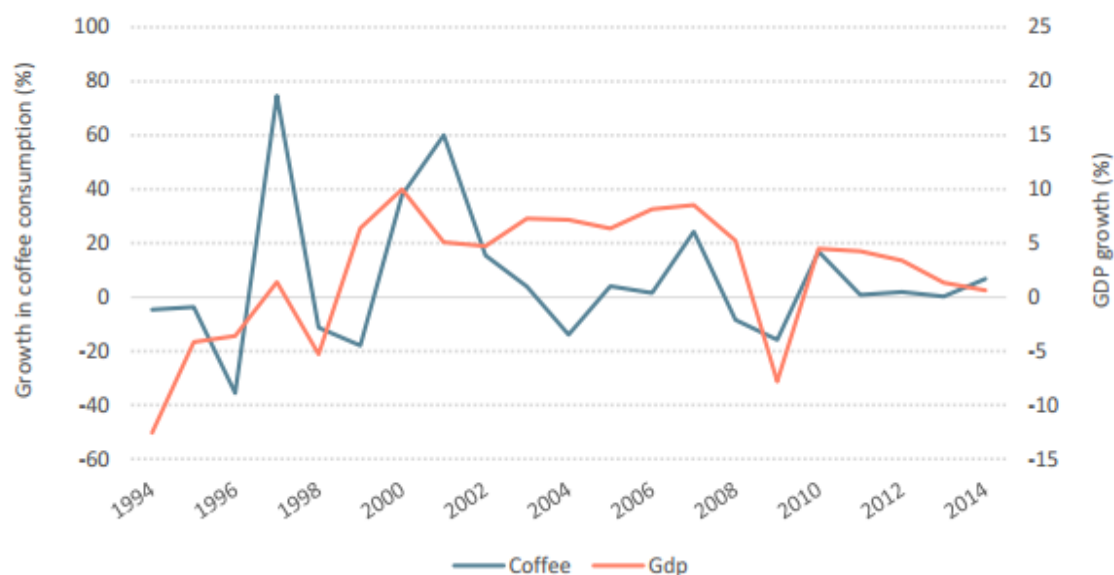
Hình 8: Tái xuất khẩu cà phê theo hình thức (1994-2014)



3.4 Triển vọng

Dù cà phê đang tăng thị phần tại Nga trong hai thập kỷ qua, tiềm năng tăng trưởng thêm nữa dường như có phần hạn chế. Những động lực thúc đẩy nhu cầu chính là giới thiệu những loại hình sản phẩm cà phê mới như máy chế biến tự phục vụ và cà phê rang xay chất lượng cao đang bắt đầu chiếm lĩnh được thị phần cà phê uống liền. Tuy nhiên, những khuynh hướng này nhìn chung phụ thuộc vào việc có một cộng đồng người tiêu dùng tương đối mạnh mẽ có sẵn nguồn thu nhập không phụ thuộc vào tăng trưởng kinh tế. Tiêu thụ cà phê, đặc biệt tại các thị trường mới nổi như Nga, chịu ảnh hưởng bởi tăng trưởng kinh tế, mà tăng trưởng kinh tế Nga phụ thuộc chủ yếu vào giá dầu. Ngân hàng Thế giới gần đây công bố dự báo tăng trưởng GDP thực của Nga trong các năm 2016, 2017 lần lượt với tỷ lệ +0,7% và +2,5%. Đây có thể là kết quả quan trọng của tăng trưởng ngành cà phê tại Nga.

Hình 9: Tăng trưởng tiêu thụ cà phê và GDP (1994 - 2014)



Hơn nữa, Rusteacoffee báo cáo cà phê sẽ tiếp tục phát triển nhưng nhìn chung chỉ dễ dàng tiếp cận một thành phần dân số hạn chế và do đó sẽ không dễ dàng để đạt được tăng trưởng đáng kể về tiêu thụ cà phê. Lịch sử uống trà vốn dĩ đạt được vị thế trong văn hóa Nga cũng cho thấy sự khó khăn trong việc tiếp tục tăng trưởng ở ngành cà phê. Dù cà phê được kỳ vọng tiếp tục phát triển hơn nữa tại Nga, có thể sự phát triển sẽ hạn chế đối với các sản phẩm hộp cà phê tự phục vụ và tiêu thụ cà phê ngoài gia đình (tại các cửa hàng, tiệm cà phê nhỏ).

